

THÔNG TIN

Khoa học & Công nghệ



SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LÂM ĐỒNG



1

1994

CHUYÊN ĐỀ : HOA

* HOA * TỪ NHỮNG KHO TÀNG PHƯƠNG ĐÔNG * HOA CÚC
* HOA TUY LÍP * SALEM HAY OLYMPE ? * HOA LAN HÀI
PAPHIOPEDILUM * NHỮNG CÂY HOA LÀM THUỐC * HOA ĐÀ LẠT



**HOA
ĐÀ LẠT**

Mai anh đào
(*Prunus cerasoides*)
Ảnh : BÁ TRUNG



Hoa thủy chung
(*Lobelia erinus*)
thường gọi
Forget-me-not
Ảnh: TRẦN NGỌC HIẾP

Hoa sứ
(*Michelia champaca*)
Ảnh : TRẦN NGỌC HIẾP



Hoa lan
Cymbidium
Ảnh :MPK

Hoa thiên lý
(*Telosma cordata*)
Ảnh : BÁ TRUNG



Mi-mô-da
(*Acacia podalyriaefolia*)
Ảnh : BÁ TRUNG



VÀO XUÂN GIÁP TUẤT TỰ TIN HƠN !

Xuân 1994, Xuân Giáp Tuất đang đến. Hy vọng mùa xuân này đem lại cho mỗi người chúng ta nhiều niềm vui so với những gì đã đạt được trong năm Quý Dậu.

Năm 1993, chúng ta đã đạt được những kết quả bước đầu đáng khích lệ về một số lĩnh vực ứng dụng khoa học - kỹ thuật phục vụ sản xuất và đời sống.

Nếu trong nhiều năm qua năng suất cây lúa vẫn dừng ở 25-29 tạ/ha (lúa cạn và lúa chịu hạn năng suất còn thấp hơn), thì nay đã có những giống mới IR64, CM90-2, CM29-6, CM57-6 v.v... cho năng suất vượt trội chóng (giống 9A) 15-17% (lúa cạn LC88-66, LC90-4, lúa chịu hạn CM158 cho năng suất cao hơn các giống địa phương 40-50%). Trên 600 ha gieo trồng giống ngô lai DK-888, Pacific 11, UIN 1-38, BIOSFID 9670 đã cho năng suất bình quân 55-65 tạ/ha, vượt trội chóng (FSB) 40-50%, làm tăng tổng sản lượng ngô lên 1.625 tấn trong vụ 1 năm 1993. Những kết quả đạt được này tuy khiêm tốn nhưng có ý nghĩa quan trọng, làm cơ sở cho việc khẳng định khả năng mở rộng quy mô sản xuất các giống lúa, ngô kể trên để góp phần đạt được chỉ tiêu lương thực đề ra trong kế hoạch kinh tế - xã hội 1991-1995 của tỉnh.

Dù đất đã mạnh dạn đi vào thử nghiệm phương pháp trồng rau tiên tiến - sinh học hữu cơ (Bio-organics), áp dụng các giống rau năng suất cao, kháng sâu hại kết hợp với việc thực hiện biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (Integrated Pest Management).

Những người làm công tác quản lý kinh tế, khoa học - kỹ thuật đã cần mẫn, dày công xây dựng một chương trình phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 1993 - 1995 và đến năm 2000 theo định hướng của Nghị quyết 1 Đại hội Đảng bộ Tỉnh.

Trong lĩnh vực khoa học xã hội có sự phối hợp giữa địa phương và các chương trình cấp nhà nước KX-05, KX-08 để nghiên cứu các vấn đề về hệ thống chính trị, về phát triển toàn diện kinh tế - xã hội nông thôn trên địa bàn huyện dân tộc Lạc Dương.

Năm 1994, với niềm vui trước sự kiện có ý nghĩa quan trọng của đất nước - Hội nghị Đại biểu giữa nhiệm kỳ của Đảng, chúng ta phải ra sức phát huy năng lực trí tuệ và sáng tạo của mình cho việc thực hiện những nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đặt ra.

Phát huy những kết quả sản xuất thử các giống lúa và ngô cao sản, mở rộng diện tích ở các khu vực nhà nước đến các hộ nông dân, nhằm tạo bước nhảy vọt có ý nghĩa về sản lượng lương thực. Xây dựng chương trình ứng dụng tiên bộ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ cho nông thôn góp phần đưa Nghị quyết Trung ương 1 đi vào cuộc sống một cách vững chắc.

Rào rề môi trường là vấn đề bức xúc, chất lượng môi trường đang tiếp tục suy giảm, do nhu cầu cần phát triển kinh tế, nên có khả năng tạo ra những sức ép mạnh mẽ hơn đối với môi trường địa phương. Cần nhanh chóng kiến nghị giải tổng hợp tình hình tài nguyên và môi trường, giải quyết các vấn đề cấp bách về chất thải đô thị, về ô nhiễm môi trường các khu công nghiệp, các khu khai khoáng... Chú trọng việc xây dựng một số dự án bảo vệ đa dạng sinh học vùng cao nguyên Lang Biang, nơi mà khu hệ động vật và thực vật có tính đặc hữu và quý hiếm.

Vào xuân Giáp Tuất, chúng ta tự tin hơn. Hãy chứng minh điều đó bằng sự say sưa, miệt mài trong lao động sáng tạo.

THÔNG TIN
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
LÀM ĐỒNG

QUY TRÌNH KỸ THUẬT NUÔI TẤM LẤY KÉN ƯƠM

PTS NGUYỄN ĐỨC DUỆ

Liên hiệp các xi nghiệp dâu tằm tơ VN

KS TRẦN VĂN HẢO

Sở nông lâm thủy Lâm Đồng

(Tiếp theo)

C. THAY PHÂN CHO TẤM:

35. Thay phân cho tấm nên tiến hành vào buổi sáng hoặc buổi chiều mát. Không thay phân vào lúc quá nắng gắt hoặc vào ban đêm. Tốt nhất là dùng lưới để thay phân cho tấm:

Trải lưới lên nong rồi rắc dâu cho tấm ăn. Lượng dâu lúc này nên nhiều hơn bình thường. Sau 30-40 phút, khi tấm đã bò qua lưới lên lá dâu, nâng lưới đưa qua nong sạch.

Tấm mới ngủ dậy nên cho ăn một bữa rồi mới trải lưới thay phân vào bữa thứ 2. Lưới cũ trên nong phải giặt sạch, xử lý rồi mới dùng.

36. Khi thay phân cho tấm bằng tay, phải nhẹ nhàng, cẩn thận để tránh gây thương tích cho mình tấm (đặc biệt là lúc tấm mới thức dậy). Đối với tấm tuổi nhỏ, phải bọc một lớp mỏng thức ăn cũ cùng với tấm để đưa qua nong mới. Cần đưa nhanh tấm qua nong mới để tránh việc bò lan của tấm trên nong cũ, sẽ khó thay. Sau khi đưa hết tấm qua nong mới, sẽ tiến hành san đều tấm trên nong, rửa sạch tay mới cho tấm ăn.

37. Những con tấm nhỏ, yếu, không chui qua được lưới để lên ăn phải loại bỏ cùng phân tấm. Phân tấm khi thay ra phải đưa vào các hố ủ phân có mái che, rắc với bột ủ thối hoại mới sử dụng cho dâu hoặc cho cây trồng khác.

D. KIỂM TRA, CHẨN ĐOÁN, PHÒNG TRỪ SÂU BỆNH CHO TẤM:

38. Ở mỗi lứa tuổi của tấm, khi tấm ngủ phải bắt tấm ngủ muộn, làm tròn ngủ để gửi chiều kính kiểm tra bệnh. Tấm bắt ở mỗi nong được gọi thành một gò có ghi số nong rồi gửi đến trạm dịch vụ dâu tằm tơ gần nhất để kiểm tra bệnh. Bước đầu, số tấm của mỗi nong (5-6 con) được nghiền vào một cối, quay ly tâm để kiểm tra. Nếu phát hiện thấy bao tử gai khi tấm mới ngủ dậy, phải bắt ngẫu nhiên 7-10 tấm ở các điểm khác nhau trên một nong, gò riêng để gửi chiều kính từng con một. Nếu số tấm cuối tuổi 2 đầu tuổi 3 bắt ngẫu nhiên bị bệnh 3% trở lên (cứ chiều 100 con tấm có 3 con bị bệnh) phải đổ bỏ, đảo hồ sâu, đổ tấm vào, rắc với bột rồi chôn kỹ.

39. Trường hợp phải đổ tấm do bị bệnh gai, phải xử lý lại nhà và dụng cụ nuôi thật kỹ. Nếu lâu

chưa gia qua nên ngưng bằng một hoặc hai lứa tấm để xử lý cho thật tốt.

40. Trường hợp ở tấm tuổi nhỏ đã phát hiện thấy vi rút da giác thể (nguyên nhân gây bệnh búng mù), phải phòng bệnh cho tấm ngay từ tuổi 4. Kết hợp cho tấm ăn PVM, cho thêm vào mỗi gò 1:10 lo Pénicilline 1000000 IU cho ăn đến hết ngày thứ nhất của tuổi 5. Có thể sử dụng Penvita (Pénicilline + B₁ + B₆) để phòng bệnh. Nói chung sử dụng PVM kết hợp với Pénicilline cho tấm như trên đều tốt cho mọi trường hợp.

41. Rắc cloxa với để tiêu độc cho mình tấm, phòng ngừa các bệnh vi khuẩn cho tấm phải tiến hành ngay sau khi thay phân, trước lúc cho ăn. Rắc Beauveritol để phòng ngừa bệnh với hại tấm vào 4-5 giờ sáng và 6-7 giờ tối. Có thể dùng rây ni - lông có lỗ thật nhỏ hoặc dùng hai lớp vải màn, cho thuốc vào, tum lại thành bọc để rắc.

42. Phun thuốc trừ nhang cho tấm (B158 - 0,2% hữu hiệu 5cc/lít) cũng tiến hành ngay sau khi thay phân. Dùng bình bơm cầm tay có gác mịn, đều phun ướt đều mình tấm. Chú ý phun kỹ hai bên hông, chân và các nếp gấp ở dốt của tấm. Phun xong để hơi ráo rồi cho tấm ăn.

43. Tấm tuổi nhỏ (1-3) chỉ nên dùng với bột nhẹ để sát trùng nong và dùng lưới để chống nhang cho tấm. Ở giai đoạn này, tuyệt đối không được dùng các loại kháng sinh.

44. Khi sử dụng bất kỳ loại thuốc diệt trùng nào cho tấm cũng phải phòng hộ thật kỹ: đeo gang tay, khẩu trang và kính phòng hộ. Phải hết sức chú ý để bao đảm dùng nồng độ và liều lượng theo quy trình hướng dẫn.

V. CHO TẤM LÊN NÈ - SẤY KÉN:

45. Trong điều kiện ẩm độ, nhiệt độ phù hợp; thức ăn tốt và đầy đủ, tấm lưỡng hệ ngủ 4 dãy 5 ăn 6 ngày sẽ chín bôi, con tấm đa hệ lại thì 5 ngày. Ở các vùng nong, không khống chế được nhiệt độ, tấm có thể chín sớm hơn 1-2 ngày. Thời gian lạnh, nếu không sưởi ấm được cho tấm, chúng sẽ chín chậm 1-2 ngày.

46. Khi tấm chín, có thể tấm dương như trong suốt, màu vàng tươi hoặc hơi hồng (chỉ gặp ở tấm lưỡng hệ), đầu nhọn, luôn ngẩng cao quá liên tục để

tim điểm nhả to. Tằm da hệ thường chín vào sáng sớm và có xu thế dôn ra mẹp nong. Tằm lưỡng hệ thường chín vào trưa về chiều và ít bò ra mẹp nong hơn.

Lúc tằm chín, phải bat cho vào thau nhôm, rổ nhựa hoặc met chuyên dùng rồi cho chúng lên né ngay.

47. Né đã thui to gốc, đã xử lý diệt trùng mới cho tằm kéo kén. Khi cho tằm lên né, phải chồng 3 né lên nhau rồi trải tằm lên né trên cùng để các né dưới hứng tằm lột né. Bỏ tằm từ hàng né dưới bỏ lên và để trống 1-2 hàng phía trên cho tằm vượt lên làm tổ.

Không nên bỏ tằm quá dày ở trên né để tránh kén đôi. Với loại né 1,2 x 1,6m, mỗi né bỏ khoảng 1200 - 1300 tằm là vừa (sẽ thu khoảng 1,8-2 kg kén/né).

48. Khi bỏ tằm dây né, dùng né trong hệ cho bề mặt có tằm hướng ra bên ngoài để tằm bò sang bên kia. Khi tằm đã bò đều sang cả hai mặt né, sẽ đưa vào bong râm, khi tằm bài tiết xong sẽ đưa vào buồng sấy né. Trong lúc này, buồng sấy né cần có nhiệt độ 27°C, ẩm độ 70-75%, ánh sáng đều và hơi mạnh để kích thích tằm làm nhanh áo kén.

Khi dùng né, nếu không kiểm tra kịp, tằm bò vào phía trong nhiều phải lật mặt trong tòi ra ngoài sáng để tằm bò ngược lại. Tuyệt đối không dùng né ngoài trời nắng gắt.

49. Để chồng tằm vượt né, phải dùng các tàu lá chuối khô cột ngang trên né; cũng có thể dùng cành trà, cành tre có nhiều nhánh cột ngang hoặc cam phía trên né.

50. Trong thời gian tằm đang làm áo kén, phải thường xuyên kiểm tra né để bat bỏ tằm làm kén đôi và những tằm không tìm được chỗ nhả to vào nơi né còn trống. Để bat tằm làm kén đôi, phải dùng dũa hơi nhọn đầu, tách khéo áo kén rồi gập bột tằm ra.

51. Nếu trời nóng, khô hanh, một số tằm chín đẹp nhưng dùng né do miệng tuyến to bị khô, to không dính được vào né, phải bat chúng ngâm vào nước sạch trong 1-2 phút cho miệng tuyến to ướt trở lại, để tơ chảy ra được, chúng sẽ kéo kén. Cũng có thể cho vào chậu nước 1-2 thìa muối ăn, hiệu quả sẽ cao hơn.

52. Khi tằm đã làm xong khung kén, phải giảm bớt ánh sáng và nâng nhiệt độ lên 28-30°C, rồi sau đó nâng nhiệt độ lên 31-32°C. Cũng phải tạo sự thông thoáng cho buồng né để đảm bảo ẩm độ 60-70%.

Ở nhiều vùng nước ta, vào mùa hè, nhiệt độ

luôn đạt 31-32°C thì biện pháp thông thoáng buồng né là hết sức quan trọng.

53. Trong quá trình sấy kén, dùng than củi là tốt nhất. Đặt 1-2 lò than ở giữa, dùng 1-2 lớp né thành khung vuông 4 phía lò. Những né tằm đã kéo kén hết có thể chồng lên phía trên. Trong suốt quá trình sấy kén - tằm da hệ lại phải 3 ngày đêm, tằm lưỡng hệ phải 4 ngày đêm - phải luôn đảm bảo nhiệt độ ổn định 31-32°C và ẩm độ 70%. Luôn lưu ý phòng chống kiến và chuột cho tằm làm kén.

VI. THU HOẠCH - BẢO QUẢN VÀ CHUYỂN CHỖ KÉN TẦM:

54. Tằm đa hệ lại lưỡng hệ thu hoạch sau khi làm kén 4 ngày, còn tằm lưỡng hệ lại lưỡng hệ thu hoạch sau 5 ngày. Nói chung, bất cứ loại tằm nào thì cũng chỉ thu hoạch khi tằm ở trong kén đã hóa nhộng và nhộng đã vàng trên 95%.

55. Để xác định tỷ lệ nhộng, phải lấy 15-20 kén trong số kén cùng chín một ngày. Số kén này phải lấy đều trên nhiều điểm của một né. Dùng lưới lam hoặc dao cau sắc cắt xuyên kén để kiểm tra.

56. Trước khi gỡ kén, phải kiểm tra, loại bỏ hết tằm chết, tằm dùng né và kén mỏng. Nhặt trước kén phế, kén đôi để riêng. Dùng ngang né rồi dùng thìa mục canh hoặc bản gỗ nhỏ và nhấn gỗ kén trong rãnh né từ phía trên xuống. Kén giỡ ra phải được để nhẹ nhàng vào nong sạch. Không được bỏ kén thành đống qua cao và không được ném kén từ trên cao xuống nong.

57. Gỡ kén xong, bóc vỏ và đưa đi bán ngay. Phải dùng gùi hoặc sọt để chuyên chở kén. Khi cho kén vào gùi hoặc sọt, không được nhận chặt xuống mà chỉ lắc gùi hoặc sọt cho kén chặt xuống tự nhiên. Kén phải để theo từng loại riêng biệt: kén phế, kén đôi, kén tốt.

58. Trong trường hợp chưa đi bán được ngay tốt nhất chưa nên gỡ kén. Nếu đã gỡ kén rồi mà do điều kiện nào đó chưa đi bán được thì phải trải kén thành lớp mỏng (2-3 lớp kén) trên nong, cho lên đũa. Không được để kén qua dày hoặc để trên gùi, sọt qua đêm. Trong quá trình bảo quản, phải hết sức lưu ý phòng kiến và chuột hai kén.

2

BỆNH MỐC SƯƠNG KHOAI TÂY VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG TRỪ

KS TRẦN THỊ VÀN

Chi cục bảo vệ thực vật tỉnh Lâm Đồng

Bệnh mốc sương khoai tây (BMSKT) có nguồn gốc từ Nam Mỹ, nơi đây cũng chính là nguồn gốc ra đời của cây khoai tây. Sau đó bệnh đã lan ra các nước châu Âu, châu Á... cùng với việc di thực của cây này. Bệnh được chính thức xác định đầu tiên năm 1930 ở Đức, 15 năm sau (1845-1848) bệnh trở thành dịch nguy hiểm ở Bắc Âu, đặc biệt ở Ai-rơ-len. Hiện nay bệnh phổ biến và gây hại rất lớn ở các vùng trồng khoai tây trên thế giới và ở nước ta.

1. TÁC NHÂN GÂY BỆNH

BMSKT do nấm *Phytophthora infestans* de Bary gây ra.

Nấm thuộc loài: *Phytophthora*

Họ: *Pythiaceae*

Bộ: *Peronosporales*

Lớp phụ: *Oomycetes*

Lớp: *Phycomycetes*

Nấm *Phytophthora infestans* là nấm ký sinh chuyên tính, sống trong tế bào thực vật tạo thành những vôi hút sinh sản vô tính chủ yếu tạo bào tử phân sinh (conidi) trên các cành conidi đâm nhánh. Các cành này ít khi có nhánh cấp 1, đầu mút nhánh hơi phình rộng. Cành conidi tương đối dài. Conidi đơn độc hình trứng hay hình quả chanh. Chỉ có một conidi trên đỉnh nhánh tạo cho bề mặt của bào tử bị bệnh có màu trắng rất dễ nhận dạng.

2. ĐIỀU KIỆN PHÁT SINH PHÁT TRIỂN:

BMSKT gây bệnh nhờ những bào tử, chúng có thể phát tán nhờ gió chuyển từ nơi này sang nơi khác, cây này sang cây khác. Bào tử theo mưa, nước tưới xuống đất, xâm nhập vào củ, phát sinh chủ yếu khi củ bắt đầu hình thành gây hại trực tiếp đến năng suất.

Bệnh có quan hệ chặt chẽ với thời tiết như lượng mưa, ẩm độ, nhiệt độ. Nếu nhiệt độ thấp hơn 20°C + mưa (hoặc sương) bệnh phát triển liên tục. Nếu vườn khoai tây được bón đạm nhiều, mật độ dày hoặc trồng quá dày, tiêu thoát nước kém, việc trồng khoai tây liên tục không có thời vụ rõ ràng, xen kẽ, không phân khu vực là những điều kiện thuận lợi để bệnh phát sinh và phát triển.

Ở nước ta bệnh phá hại nặng trong những năm thời tiết ẩm ướt, rét và mưa kéo dài, trời có nhiều sương mù, nhiệt độ dưới 20°C. Ở miền Bắc bệnh phá mạnh từ tháng 12 đến tháng 2.

Đà Lạt là vùng cao nguyên có khí hậu ôn hòa, hội tụ đủ những điều kiện thuận lợi cho bệnh tồn tại và phát triển quanh năm. Hầu hết những giống khoai tây hiện có trong sản xuất tại Đà Lạt đều bị nhiễm bệnh, ở mức độ nặng nhẹ khác nhau. Mức độ bệnh còn phụ thuộc vào mùa vụ: Mùa mưa (từ tháng 4-5 đến tháng 9-10) bệnh gây hại nặng và ảnh hưởng lớn đến năng suất, vào mùa khô mức độ bệnh giảm đi rõ rệt. Số liệu điều tra chuyên ngành qua 2 năm 1991-1992 cho thấy rõ tình hình BMSKT trên địa bàn Đà Lạt như sau:

Thang	Năm 1991		Năm 1992	
	Tỷ lệ bệnh	Chỉ số bệnh	Tỷ lệ bệnh	Chỉ số bệnh
1	20.4	11.5	17.0	5.1
2	21.0	11.6	17.6	5.2
3	20.11	12.3	16.0	5.0
4	30.0	18.0	16.1	5.9
5	38.0	21.0	39.1	13.7
6	41.4	20.0	41.2	16.6
7	40.3	25.6	46.5	23.
8	41.4	26.2	49.5	27.5
9	49.2	29.8	40.0	17.1
10	44.0	23.5	26.	12.6
11	29.2	12.1	24.0	12.7
12	14.6	4.5	17.9	16.8

3. TRIỆU CHỨNG BỆNH:

Để phòng trừ đạt kết quả tốt, trước hết chúng ta cần phân biệt và xác định đúng bệnh.

3.1 Triệu chứng trên lá

Vết bệnh màu nâu, lan rộng dần từ chóp lá vào trong phiến lá hoặc ở cong lá vào phiến lá hoặc ở mép lá lan vào trong tạo thành từng đám mô bị thối nâu, nhún khi ẩm ướt hoặc khô khi trời nắng. Mặt dưới vết bệnh bao phủ một lớp nấm trắng như sương muối.

3.2 Triệu chứng trên thân, cành

Bi bệnh từng đoạn dài, vỏ và ruột thân thối ướt màu nâu đen. Chỗ bị bệnh nhỏ tập lại có khi chỉ một phía thân bị thối. Khi ẩm ướt, trên vết bệnh có lớp nấm trắng như sương muối bao phủ. Phía trên chỗ bị bệnh, lá héo dần. Cành, thân bị bệnh dễ bị gãy gục làm tan cây xo xác.

(Xem tiếp trang 8)

VÀI SUY NGHĨ VỀ VẤN ĐỀ TRỒNG CÂY CHE BÓNG CHO CHÈ

KS PHAM S

Trung tâm quản lý kỹ thuật nông nghiệp
và nghiên cứu thực nghiệm chè

Cây chè có nguồn gốc ở vùng rừng á nhiệt đới nóng ẩm nhưng đến nay cây chè phân bố rất rộng đến những vùng có điều kiện khác xa với vùng xuất xứ của nó. Tất nhiên, trong điều kiện như vậy muốn cho cây chè sinh trưởng bình thường, có năng suất cao và ổn định, phẩm chất tốt đòi hỏi phải có một quy trình kỹ thuật canh tác trên cơ sở khoa học cao.

Lâm Đồng là một trong 3 tỉnh Tây Nguyên có diện tích trồng chè tương đối nhiều, hiện nay vào khoảng 12.000 ha. Trong đó quốc doanh chiếm 1/3, còn lại là tập thể và tư nhân. Diện tích chè ở Bảo Lộc chiếm tỷ trọng cao trong toàn tỉnh. Đất đai ở Bảo Lộc là đất có tầng đất dày trên 1m và có kết cấu lý hóa tính phù hợp cho sự sống và phát triển cây chè. Tuy nhiên, do mưa nhiều, quy trình canh tác còn nhiều hạn chế, đã phần nào làm mất dần đặc tính tốt của đất, điều đó ảnh hưởng không ít đến sự sinh trưởng cây chè.

Mặt khác, trong quá trình canh tác, việc đầu tư thâm canh không đáp ứng được sự tái tạo dinh dưỡng của đất để cung cấp cho cây. Qua kết quả phân tích, nghiên cứu của trung tâm quản lý kỹ thuật và nghiên cứu thực nghiệm chè cho thấy đất ở Bảo Lộc hiện tại chứa hàm lượng các cation kiềm trao đổi qua thấp vì Ca, Mg bị rửa trôi nhiều. Hàm lượng N tổng số khá, nhưng N dễ tiêu ở mức trung bình. Cây chè là cây lấy lá, sản phẩm thu hoạch là búp và lá non, cây chè lấy đi lượng N từ đất rất lớn. P_2O_5 tổng số khá, P_2O_5 dễ tiêu qua thấp do hàm lượng Fe^{3+} và Al^{3+} nhiều cố định, giữ chặt cây không sử dụng được. Riêng hàm lượng K_2O từ nghèo đến rất nghèo, hàm lượng mùn quá cạn kiệt, do vậy khả năng giữ nước của đất qua kém (từ 28-30%). Mặt khác, pH đất chua một phần do bị mưa rửa trôi các cation kiềm, một phần do liên tục bón các loại phân chua sinh lý như K_2SO_4 , $(NH_4)_2SO_4$... làm đất ngày càng chua hơn. Một số nguyên tố vi lượng thiết yếu bị rửa trôi, làm cho cây thiếu nghiêm trọng. Việc cung cấp phân hữu cơ rất hạn chế, chủ yếu là phân vô cơ, song bón không cân đối, qua đơn độc; thậm chí có những vùng do tập quán canh tác bừa cày chỉ bón phân Urê và SA, không bón Kali và lân, vì vậy chè vào mùa khô rụng lá hàng loạt. Thực tế cho thấy rõ những lỗ chè đã vào tuổi kinh doanh nhưng năng

suất còn thấp, bình quân chỉ đạt 4,5 tấn/ha, chất lượng nguyên liệu không tốt ảnh hưởng đến giá trị sản phẩm.

Vì vậy việc cải tạo lý hóa tính để nâng cao độ phì của đất trồng chè là vấn đề đặt ra lớn. Để giải quyết được vấn đề này cần sự phối hợp chặt chẽ và tìm biện pháp thích ứng, trong đó việc trồng cây che bóng cho chè góp phần giải quyết vấn đề cải tạo đất không nhỏ.

Qua phân tích các yếu tố trên cho thấy đất đai ở Bảo Lộc quá nghèo dinh dưỡng. Về khí hậu thời tiết, do hiện tượng "hiệu ứng nhà kính", nhiệt độ trong vòng 100 năm qua đã tăng lên $0,5^{\circ}C$. Theo nhận định của một số nhà khí hậu học thì sự phát triển của công nghiệp làm cho nhiệt độ càng ngày sẽ tăng thêm. Vì vậy việc trồng cây che bóng cho chè là xu hướng đúng để cải tạo môi sinh và đáp ứng yêu cầu sinh lý của cây chè. Hiện nay, ở một số nước trên thế giới như Ấn Độ, Indonesia, Sri Lanka... việc trồng cây che bóng cho chè là một biện pháp quan trọng. Ở Bảo Lộc - Lâm Đồng, từ 1927-1939, trong một số đồn điền chè đầu tiên của người Pháp, người ta rất chú ý đến trồng cây bóng mát, họ quy hoạch, thiết kế lô, hàng rất chu đáo; hiện nay vẫn còn một số lô trồng cây muồng đen (*Cassia*). Song chúng ta chưa thấy hết tác dụng tối ưu của cây che bóng nên không đầu tư trồng mới, không chăm sóc và còn chặt phá, đến nay hầu như không còn lô chè nào giữ nguyên hệ thống cây bóng mát trước đây.

Trồng cây bóng mát có những tác dụng sau:

- Tạo vùng tiểu khí hậu cho vùng chè.
- Điều hòa được chế độ nước và không khí trong vùng chè.
- Làm giảm sự bốc thoát hơi nước trong vườn chè, đặc biệt là chè ở giai đoạn kiến thiết cơ bản và giai đoạn đầu kinh doanh.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho một số vi sinh vật trong đất hoạt động hữu ích.
- Hạn chế tội đa nhện đỏ trong mùa khô.
- Chống rửa trôi xói mòn và cải tạo lý hóa tính của đất.

Việc trồng cây che bóng mát cho chè rất có ý nghĩa, cần phải được coi trọng nhằm đạt năng suất cao, chất lượng tốt kéo dài chu kỳ sống và phát triển của cây chè. Để nghị tỉnh cần có chủ trương và biện pháp kiên quyết chỉ đạo các địa phương và đơn vị trồng chè phải khẩn trương tiến hành quy hoạch và thiết kế trồng cây che bóng để cải tạo môi trường sinh thái cho vùng trồng chè của tỉnh ta trong thời gian tới, nếu như không muốn năng suất chất lượng sản phẩm chè và đầu tư tiếp tục suy thoái và tình trạng môi trường sinh thái diễn biến xấu thêm.

GIÁ TRỊ CỦA CHÈ

TÒN THẤT SAM
Lương y TÒN THẤT HÙNG

Chè là loại hàng xuất khẩu có giá trị kinh tế cao: xuất khẩu một tấn chè, ta có thể đổi lấy 11 tấn đường, 12 tấn bột mì hoặc 20 tấn dầu xang...

Một ngày công lao động sản xuất chè (cả công-nông nghiệp) thu nhập bằng 2.6 công làm lúa, 4 công sản xuất dầu phung: 4.6 công trồng sắn...

Giá trị kinh tế của chè là điều hiển nhiên mà nhân dân Lâm Đồng ai cũng có thể biết được vì do là nguồn thu nhập chính yếu của địa phương... Ở đây, chúng tôi muốn nêu lên giá trị của chè về dinh dưỡng, dược tính cũng giá trị nghệ thuật trong việc pha chè và thưởng thức.

1. GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG CỦA CHÈ

Nếu uống nước hãm chè với một lượng vừa phải thì rất tốt đối với sự dinh dưỡng của cơ thể vì trong nước hãm chè có đầy đủ các loại vitamin, muối khoáng, prôtêin, amino axit, glucit và một số chất hữu cơ khác... Chất cafein và một số hợp chất alcaloit kích thích hệ thần kinh trung ương làm cho thân kinh minh mẫn, tăng cường hoạt động của các cơ, nâng cao năng lực làm việc và giảm được sự mệt mỏi sau những lúc lao động. Hỗn hợp tanin trong chè trợ lực cho sự tiêu hóa và làm cho đỡ khát nước. Các catexin trong hỗn hợp tanin chè có khả năng làm tăng sự đàn hồi của thành mạch máu, góp phần tích lũy và đồng hóa vitamin C trong cơ thể con người.

2. GIÁ TRỊ DƯỢC TÍNH CỦA CHÈ

Trước đây, người ta đã trích ly các chất trong chè để điều chế các thuốc trợ tim để cầm máu, lợi tiểu... Trong những năm gần đây, qua nghiên cứu, người ta thấy dùng nước chè có thể làm giảm viêm ở người bị thấp khớp, làm tăng tính đàn hồi của thành mạch máu nên có thể phòng bệnh tai biến mạch máu não, nhồi máu cơ tim, xuất huyết dưới da...

Nhiều thầy thuốc đã dùng nước chè đặc điều trị có kết quả bệnh xuất huyết da dầy và ruột, xuất huyết não và suy yếu mao mạch do tuổi già...

Ở Tuốc-mê-ni, người ta dùng chè xanh để chữa lỵ và thương hàn. Viện vệ sinh dịch tễ Maxcova, bệnh viện Bôt-kin đã chứng minh với cả một hệ thống lâm sàng rằng chè còn hay hơn kháng sinh trong điều trị lỵ.

Theo nghiên cứu của Tajei Usi và Enji Hayasi ở

Trường Đại học Kyoto (Nhật Bản) thì chè chẳng những là thu nước giải khát tốt mà còn chống được tác dụng của Strontium 90 - một trong những đồng vị phóng xạ nguy hiểm nhất trong các vụ nổ bom nguyên tử có thể gây ung thư máu và các dạng ung thư khác.

Lúc đầu, người ta cho rằng chè có thể thải loại phóng xạ nhờ thành phần tanin của nó. Nhưng các nhà khoa học Liên Xô, Giáo sư Gorodeski và các đồng nghiệp chung minh không chỉ tanin mà các thành phần khác trong chè cũng góp phần tạo nên khả năng chống nhiễm xạ cho cơ thể, bằng cách dùng catêsin tách từ chè để điều trị cho một lô chuột bị nhiễm phóng xạ thì thấy lô chuột này sống được còn lô chuột đời chúng bị nhiễm phóng xạ mà không được điều trị bằng catêsin chè thì bị chết hết.

Viên sinh học thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô nghiên cứu thấy catêsin chè rất giống vitamin PP về mặt hóa học, về tác dụng dược lý và sinh lý, dùng điều trị có kết quả đối với các bệnh viêm gan, viêm thận và huyết áp hạ.

3. GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT TRONG VIỆC THƯỞNG THỨC TRÀ

Việc pha trà cho dùng điều cũng là cả một nghệ thuật, cần có bộ ấm chén trà đặc biệt, biết cách chọn nước để đun sôi, và biết cách để hãm trà.

* Bộ ấm chén trà mà những người sành điệu thường dùng là loại bằng đất nung màu "gan gà" của Trung Quốc, do là loại bình độc ẩm, trang. Ngày nay, trong việc tiếp khách ta không dùng loại bình ấy được mà phải dùng những bình trà tương đối lớn làm bằng sứ của Nhật Bản, Trung Quốc, Pháp... có thể rót ra được 4 đến 6 tách. Theo những người sành điệu, mặc dầu dùng loại bình nào đi nữa, muốn pha trà được ngon thì ta phải theo đúng những nguyên tắc sau đây:

* Không bao giờ súc bình trà bằng nước lạnh. Nếu muốn cho sạch sẽ đẹp mắt thì chỉ chùi sạch mặt ngoài. Bên trong bình trà, sau khi bỏ bã chỉ tráng bằng lại bằng nước sôi.

* Không bao giờ ký cơ bên trong bình trà làm mất lớp cau mau nâu do các chất trong những nước hãm trà tích tụ lại dần dần qua thời gian. Lớp cau này càng dày thì pha trà càng ngon... Có người cho rằng nếu lớp cau này càng dày, khi không có trà, chỉ cần đổ ít nước sôi vào để một chốc rót ra uống giống như là uống trà hoà tan (instant tea).

(Xem tiếp trang 26)



Vài nét về ĐIÀ KHỐI ĐÀ LẠT

KS LÊ HUY CHUYỀN, LÊ CAO AN
Liên hiệp khoa học sản xuất Đà Lạt

Địa khối Đà Lạt từ lâu đã là sự quan tâm của các nhà địa chất trong và ngoài nước. Ngay từ buổi sơ khai của thành phố Đà Lạt, E. Saurin, A. Lacroise đã nghiên cứu và cho nó là một khối nâng. Có lẽ do bậc thang địa hình đèo Bảo Lộc, đèo Prenn, đèo Krông Pha đã cho các ông ý niệm ban đầu. Thoạt tiên, E. Saurin xác định các trầm tích cổ nhất ở đây thuộc kỷ Cambri-Lilua (cách nay 400-600 triệu năm) bị các xâm nhập granit hereyrien xuyên qua chúng. Sau này các nhà địa chất Việt Nam cùng các chuyên gia địa chất Nga như P Izox, Guzovski, Huỳnh Trung, Nguyễn Xuân Bao, Bùi Phú My đã xác định tuổi Jura cho các đá nền móng của thành phố Đà Lạt. Xem xét các trầm tích tuổi này, chúng ta thấy cơ bản chúng là những trầm tích lục nguyên. Vào cuối kỷ Jura, đầu Krêta (cách nay khoảng 130-150 triệu năm), hoạt động kiến tạo khu vực bắt đầu nâng các địa tầng của nó lên cao dần. Các thành hệ xâm nhập cùng các thành hệ phun trào đi kèm với chúng đã chia cắt, làm biến dạng, biến chất và cả bao phủ lên các trầm tích cổ trước. Đồng thời trong các đới tiếp xúc đã hình thành các mạch quartzit phong phú mà quá trình bào mòn, lắng đọng cho ta các ổ khoáng giàu quặng thiếc như vùng Da Chay, Labbé Bắc, Labbé Nam. Cùng lúc các phun trào dazit, andezit, tuf cùng các trầm tích đá khoáng đã tạo dựng nên dãy Lang Biang hùng vĩ. Các dãy kéo dài hay các khối granit ở các vùng ven thềm địa khối như Da Chay - Tây Nam Du Sinh giáp với Nam Ban, Tà Nung, vùng Da Nhim, Krông Pha... mà độ cao hầu như hơn hẳn (1.600 - 1.700m) so với nền chung của cao nguyên Lâm Viên (1.300 - 1.500m) cho thấy các đai xâm nhập rõ ràng. Các đá phun trào đi kèm với chúng khá phong phú: riolit, riodazit, tuf núi lửa... (vùng đông bắc Đà Lạt - Da Chay, và đông nam Đà Lạt - Datanla kéo đến Fimnom) cùng các đá mạch lamprofia. Các hoạt động này kéo dài suốt 70 triệu năm của kỷ Krêta, được các nhà địa chất xác định thành nhiều pha riêng biệt. Và địa khối Đà Lạt được hình thành từ đó; tiếp tục là sự xói rửa, bào mòn, lắng đọng đã gọt dũa dần bề mặt địa hình Đà Lạt cổ trong suốt kỷ Paléogen (cách nay vào khoảng 70 triệu năm). Cho đến kỷ Neogen các lắng đọng vẫn tiếp tục. Cao nguyên Di Linh còn để lại những bồn than nâu tuổi này, khá dày và diện rộng (Đại Lào - Bảo Lộc). Đến cuối kỷ Neogen, hoạt động kiến tạo lại bùng nổ và kéo dài sang kỷ Đệ tứ hình thành bề mặt căn bản cho cao nguyên Di Linh ngày nay với thành hệ Bazan rộng lớn. Trên nó có vỏ phong hóa chứa bauxit - nguyên liệu alumin - được đánh giá là có trữ lượng rất lớn.

Địa khối Đà Lạt chịu sự hoạt động yếu ớt của giai đoạn này. Bazan được đưa lên bề mặt địa khối với diện tích nhỏ và lẻ tẻ. Ta gặp chúng ở Datanla, Camly - Tà Nung, Xuân Thọ và Xuân Trường với chiều dày mỏng. Chúng là những khu đất phi nhiêu trên địa khối. Từ đó tới nay, cao nguyên Lâm Viên đang hoàn thiện dần bề mặt địa hình của mình thông qua các hoạt động địa chất mới mà chủ yếu là phong hóa, bóc mòn và lắng đọng.

Tuy nhiên, trong suốt quá trình hoạt động để tự xây dựng mình, địa khối Đà Lạt còn bị các chấn động địa cầu khu vực, cùng lực co rút của các khối magma. Các đứt gãy xuất hiện vào cuối kỷ Krêta, trong Paléogen làm biến dạng, méo mó các khối xâm nhập, xô dịch, vỡ nhàu và làm dập nát các trầm tích cổ mặt trước đó. Các đứt gãy phát triển chủ yếu theo phương Đông Bắc - Tây Nam, kéo dài hàng trăm cây số, xuyên cắt suốt từ Bắc địa khối qua hết cao nguyên Di Linh xuống đến Đông Nai, hình thành các đới cà nát, milonit hóa mạnh mẽ, rạn nứt. Chúng bộc lộ rõ rệt trên các vùng được tạo dựng bởi xâm nhập granit tuổi Krêta cùng các phun trào cùng tuổi và bị các trầm tích phun trào bazan phủ lấp. Lực co rút theo phương ngược lại hầu như yếu ớt hơn và muộn hơn, tạo nên hệ thống đứt gãy ngược phương thua thốt, thậm chí cách nhau hàng trăm cây số. Đi kèm với các đứt gãy này là hệ thống các đứt gãy phụ, các khe nứt dạng lông chim mà sau này các con suối thường đặt lòng trên chúng.

Qua trình hình thành địa khối Đà Lạt khá phức tạp, mức độ nghiên cứu còn ít, song cái thấy được rõ nét là các khoáng sản sinh thành trong chúng rất khả quan. E. Saurin, trong một tài liệu của mình đã xác nhận mẫu corindon tìm được trên địa bàn Đà Lạt, ông chú ý tới hướng sử dụng đá lectit.

Lịch sử khai khoáng và sử dụng khoáng sản trên đất Đà Lạt có khá sớm. Tại một số điểm khai thác vàng sa khoáng gần đây, người ta đã phát hiện được các dụng cụ khai dao, chèn chông mỏ của những người di trước. Được khai thác và sử dụng sớm hơn cả có lẽ là các khoáng sản phi kim loại. Cao lanh trên địa bàn Đà Lạt có hai nguồn gốc chính - phong hóa tại chỗ từ các đá phun trào riolit, hình thành các ổ, chum ổ có hàm lượng oxyt nhôm, silic đủ tiêu chuẩn và oxyt sắt ở mức độ cho phép sử dụng lót cho sứ dân dụng. Thứ đến là các bồn cao lanh tái trầm tích cần được tuyển lọc, pha trộn khi sử dụng.

Một loại khoáng sản phi kim loại khác rất phổ biến, đó là vật liệu xây dựng - nó là nhu cầu vĩnh cửu. Chúng ta có thể thấy được dễ dàng khối lượng khổng lồ cát, đá các loại trong quá trình xây dựng thành phố Đà Lạt; và cả hiện nay nhu cầu của các công trình đang ở đỉnh cao. Hãy xem xét các công trình xây dựng trên địa bàn thành phố, có thể nói, tất cả đều có sự tham gia của đá hoa cương (granit). Hoa cương trên địa khối này có độ hạt vừa đến hạt mịn, sáng màu điểm các khoáng vật - màu đen hoặc nâu đen - sử dụng đẹp cho các công trình kiến trúc. Các chỉ tiêu sức

bên vật liệu ở mức tốt. Về sản phẩm của các hoạt động địa chất mới, ngoài cao lanh, cát xây dựng, còn thấy ở các bồn trung giữa núi chua than bùn, nguồn humic đang kể có thành phần khoáng, hóa phù hợp với công nghệ phân vi khoáng, phân vi sinh. Sẽ là thiếu sót nếu không nhắc đến quang thiếc Đà Lạt. Quang thiếc Đà Lạt có tỷ lệ thu hồi cao, có nơi lên tới 25%, hàm lượng thiếc trong quang từ 55-70%.

Tuy nhiên việc khai thác vẫn còn tùy tiện và lãng phí.

Khai thác và chế biến khoáng sản trên địa bàn Đà Lạt sao cho phù hợp với các yếu tố môi sinh, môi trường và cảnh quan thành phố đang là đề tài nóng bỏng. Việc nghiên cứu tiếp tục một cách sâu sắc, tỉ mỉ và có hệ thống về địa chất của địa khối Đà Lạt là cần thiết và cấp bách.

BỆNH MỐC SƯƠNG KHOAI TÂY...

(Tiếp theo trang 4)

3.3 Triệu chứng trên củ

Trên mặt củ, vết bệnh có màu nâu lốm xoống, to nhỏ khác nhau. Khi cắt ngang củ ở chỗ bị bệnh, từ ngoài vào trong ruột có tung chòm mô bị thâm nâu lan rộng vào phía trong. Để ẩm phát sinh lớp nấm trắng mịn.

4. PHÒNG TRỪ

Sau khi đã xác định được bệnh, chúng ta phải sử dụng tổng hợp các biện pháp để phòng trừ:

4.1 Chọn giống chống bệnh

Đây là biện pháp cho hiệu quả kinh tế cao nhất. Những giống khoai tây hiện nay đang được trồng trên địa bàn Đà Lạt như: O₁₂ (Atzimba), O₆ (CFK-69-1), O₄ (B71-2402), Marriella, O₇... hầu hết đều bị nhiễm bệnh ở mức độ khác nhau. Do đó, trong khi chưa có những giống vừa cho năng suất cao, phẩm chất tốt lại kháng được bệnh thì với bộ giống hiện có chúng ta vẫn có thể cố gắng sàng lọc để đưa vào trồng trong mùa mưa như giống O₇. Mùa khô chúng ta có thể trồng được hầu hết các giống. Theo kết quả nghiên cứu tuyển chọn và lai tạo giống của Trại nghiên cứu giống khoai tây (Viện cây lương thực thực phẩm) đặt tại Thái Phiên, đến 1994-1995 có khả năng sẽ đưa vào sản xuất 2 giống có nhiều ưu điểm, giải quyết khó khăn hiện nay cho sản xuất.

4.2 Chọn củ giống hoặc cây giống tốt, khỏe mạnh và sạch bệnh.

4.3 Bón phân

Bón phân phải cân đối, bón tập trung, không nên bón nhiều đạm (đạm phải bón sớm), không được trồng quá dày, phải có chế độ đầu tư chăm sóc thỏa đáng. Vườn khoai luôn được thông thoáng, sạch cỏ dại và tàn dư cây trồng.

4.4 Đất

Đất phải được tơi xốp, thoát nước và bat bước phải được luân canh.

4.5 Biện pháp hóa học

Hiện nay, việc dùng thuốc để phòng trừ

BMSKT nham giữ vững và nâng cao năng suất là biện pháp không thể thiếu được. Do đó, nhà nông cần phải biết nên sử dụng thuốc gì, khi nào sử dụng và sử dụng như thế nào để cho hiệu quả phòng trừ và hiệu quả kinh tế cao. Trong danh mục thuốc cho phép được sử dụng ở Việt Nam năm 1992 của Bộ Nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm, có nhiều loại có thể sử dụng để trừ BMSKT. Nhưng theo chúng tôi hiện nay cần tập trung một số loại thuốc như sau:

Bơm thuốc phòng bệnh định kỳ để tạo lớp áo giáp bên ngoài tranh sự xâm nhập của bào tử, nên dùng: Zineb: 30-50g/bình 10 lit; Bordeaux 1%, định kỳ phun 3-5 ngày/lần vào mùa mưa và 5-7 ngày/lần vào mùa nắng. Khi thấy bệnh xuất hiện với tỷ lệ 10% trở lên cần dùng xen những thuốc có khả năng diệt trừ bệnh như:

Ridomil MZ 72 WP: 25-30g/bình 10 lit;

Mancozeb 80 BHN: 25-30g/bình 10 lit.

Chú ý: Lượng nước dùng để bơm biên đồng theo tuổi cây trồng (phải đạt từ 400-800 lít/ha).

Sau khi phun, thuốc phải được rải đều trên khắp bề mặt thân cành lá, nhất là mặt dưới lá và những vị trí thân cành bị bệnh. Tranh thủ bơm thuốc khi trời khô ráo, không có mưa. Mùa nắng nên bơm sáng sớm hoặc chiều mát.

Khi thu hoạch, phải chọn ngày nắng ráo rải đều củ trên mặt ruộng, phân loại củ ngay tại ruộng - củ để giống phải được xử lý thuốc trước khi cất giữ. Nhe nhang vận chuyển tranh xảy sát. Phải xử lý những tàn dư thân lá củ bệnh khi thu hoạch: chôn, ủ, đốt, tránh nguồn bệnh cho vụ sau.



Trong đoạn viết về thủy văn, Địa chí Đà Lạt (Monographie de Dalat) xuất bản tháng 10. 1953 cho biết:

"Đà Lạt có suối Cam Ly bắt nguồn từ You Boggey (1.642m).

Suối Cam Ly chảy theo hướng Bắc - Nam đến hồ Than Thở (Lac des Soupirs) rồi sau đó theo hướng Đông - Tây đến Hồ Lớn (Grand Lac). Suối nhập vào sông Đa Dừng (Da Dung) mang tên Đồng Nai ở hạ lưu.

Lưu lượng của suối Đà Lạt như sau:

- Mùa khô: 0,250 m³/giây.
- Mùa mưa lũ: 1,260 m³/giây.
- Thời kỳ lũ đặc biệt: 300 m³/giây.

Ở Đà Lạt có rất nhiều hồ. Ngoài Hồ Lớn rộng 4 ha 5000 m² (1) do đắp đập ngăn suối Cam Ly, còn nhiều hồ khác:

- Hồ Than Thở: 8 ha 5000
- Hồ Saint Benoît: 1 ha 5000
- Hồ Bellevue: 0 ha 1500
- Hồ Đa Thành: 1 ha 6000
- Hồ Ankroët: 10 ha 0000 [1]

Hiện nay, các hồ Saint Benoît (hồ Mĩ Linh), Bellevue, Đa Thành (hồ Vạn Kiếp) không còn nữa do những người làm vườn lấp đất dần để trồng rau. Trong những năm gần đây, Đà Lạt xây dựng thêm các hồ Chiến Thắng, Tuyên Lâm, Con Rồng, Thống Nhất...

HỒ XUÂN HƯƠNG

Hồ Xuân Hương rộng khoảng 38 ha, có chu vi 5,6 km

Trước khi thành lập hồ, trên vùng đất này là



ruộng lúa nước của người Lạch và vùng đầm lầy mọc đầy cỏ lác dùng để dệt chiếu có dòng suối Đa Lạch (nay gọi là suối Cam Ly) chảy qua. Năm 1919, một đập nước chắn ngang dòng suối từ Nhà Thủy Tạ đến gần ngã tư (2) các đường Bà Huyện Thanh Quan, Nguyễn Thái Học, Bùi Thị Xuân, Đinh Tiên Hoàng tạo thành một hồ nước. Người Pháp gọi hồ này là Grand Lac (Hồ Lớn) để phân biệt với hồ nước ở khu cư xá Saint Benoît (khu Chi Lăng ngày nay) gọi là hồ Saint Benoît (3).

TRẦN NGỌC HIỆP
TÂM LUẬN

Từ năm 1953, Grand Lac được đổi thành hồ Xuân Hương và hồ Saint Benoît thành hồ

Mĩ Linh.

Ven đường Nguyễn Thái Học, những hàng cây tùng búp soi mình xuống mặt nước hồ Xuân Hương. Đi xe đạp nước (pédalogue) hay ca-nô trên mặt hồ là những thú vui của du khách.

Vào những ngày lễ hội, hồ Xuân Hương là diễn sinh hoạt văn hóa đặc sắc với những cuộc đua xe đạp, chạy việt dã, đua thuyền độc mộc, lướt ván, bắn pháo hoa...

Hồ Xuân Hương mang ý nghĩa hương mùa xuân (4) và đã được Bộ văn hóa - thông tin - thể thao và du lịch công nhận là một di tích thắng cảnh hạng A trong số 464 di tích thắng cảnh quốc gia.

HỒ THAN THỞ

Trước đây vùng hồ Than Thở có một cái ao gọi là Tônò Pang Dông. Vào năm 1917, người Pháp đắp đập xây dựng hồ chứa nước cung cấp nước sinh hoạt cho thành phố Đà Lạt.

Nhận thấy vùng này rất hoang vu, chỉ nghe thấy tiếng gió rì rào qua kẽ lá tạo thành một khúc nhạc buồn, người Pháp mới đặt tên là Lac des Soupirs.

Từ điển Petit Larousse xuất bản năm 1965 trang 983 định nghĩa chữ SOUPIR như sau:

SOUPIR: Respiration forte et prolongée, occasionnée par la douleur, une émotion.

Poët. Son doux et mélancolique: les soupirs du vent dans les bois.

Rendre le dernier soupir: mourir.

Mus. Pause qui équivaut à une noire.

Tạm dịch:

1. Sự thở mạnh và kéo dài khi đau đớn, xúc



com.

2. Trong thơ ca chi tiếng động êm dịu và du dương: tiếng gió thổi trong rừng.

3. Thơ hơi cuối cùng: chết

4. Trong âm nhạc, dấu lặng tương đương với nốt đen.

Như vậy, nghĩa thứ hai (tiếng gió thổi trong rừng) là đúng nghĩa nhất. Nhưng Lac des Soupirs chẳng lẽ dịch là hồ rỉ rào, hồ gió thổi trong rừng... rất khó nghe nên đành dịch theo nghĩa thứ nhất: hồ Than Thở.

Vào lúc bình minh, sương mù bao phủ mặt hồ, tạo nên một bức tranh thủy mặc tuyệt đẹp, nên sau năm 1975 hồ Than Thở còn mang tên hồ Sương Mai. Hồ Than Thở nằm ở phía Đông - Bắc thành phố Đà Lạt, gần khóm Thái Phiên, cách khu Hoà Bình 5, 8 km.

Từ khu Hoà Bình đến hồ Than Thở, xe chạy qua các đường Lê Đại Hành - Trần Quốc Toản - Yersin - Nguyễn Trãi - Quang Trung - Phan Chu Trinh - Hồ Xuân Hương.

Hồ Than Thở là một trong những thắng cảnh nổi tiếng ở Đà Lạt do tên gọi khá hấp dẫn và cảnh quan quanh hồ. Tạp chí *Indochine (Đông Dương)* số 28 ra ngày 13.3.1941 chọn ảnh hồ Than Thở làm ảnh bìa.

Sau một thời kỳ khu rừng thông quanh hồ bị đào bới để khai thác thiếc, hồ Than Thở được chỉnh trang lại để thu hút du khách. Đến đây, du khách dạo chơi dưới rừng thông, cưỡi ngựa, đi trên chiếc cầu gỗ, chụp ảnh. Du khách còn có thể nhìn hai cây thông mọc liền nhau ở rừng Ái Ân (4) và thăm mộ chi Nguyễn Thị Thảo, mất năm 1956, thương cảm cho mối tình dang dở.

HỒ ĐA THIỆN

Năm 1972, hồ Đa Thiện rộng 6 ha được hình thành sau khi một đập nước được xây dựng ngăn giữa hai ngọn đồi để giữ nước phục vụ sản xuất và tạo nên một thắng cảnh thơ mộng với mặt hồ phẳng lặng giữa những đồi thông trùng điệp.

Đập nước này thường gọi là Đập III Đa Thiện. Trước đó, Đa Thiện đã xây dựng 2 đập nước khác nhỏ hơn dùng cho trồng rau.

Thung lũng hồ Đa Thiện được mang tên Thung lũng Tình yêu (Vallée d'Amour) và giải thích theo hai cách:

1. Trong nửa đầu thế kỷ 20, thung lũng gần Dinh Bảo Đại (Dinh III) được gọi là Vallée d'Amour (Thung lũng Tình yêu), sinh viên Viện Đại học Đà Lạt nhận thấy thung lũng gần ấp Đa Thiện là nơi hẹn hò lý tưởng của thanh niên nên cũng đặt tên là Thung lũng Tình yêu.

2. Hướng đạo sinh thường cắm trại ở thung lũng Đa Thiện và đặt tên Thung lũng Tình yêu với ý nghĩa tình yêu thiên nhiên, đất nước.

Cách Khu Hoà Bình 4,6 km về hướng Bắc theo đường chim bay. Thung lũng Tình yêu là một trung tâm du lịch thanh thiếu niên. Du khách đến tham quan thường dừng lại trên đồi cao, chụp ảnh, ngắm nhìn toàn cảnh đồi núi chập chùng, đỉnh núi Lang Biang án ngữ phía Bắc, cưỡi ngựa, đi xe đạp nước, dùng du thuyền lướt trên mặt hồ, mua đặc sản hay tổ chức những bữa ăn dã ngoại nhẹ nhàng.



Có 3 lộ trình đi từ Khu Hoà Bình đến Thung lũng Tình yêu:

1. Khu Hoà Bình - Lê Đại Hành - Nguyễn Thái Học - Đinh Tiên Hoàng - Phù Đổng Thiên Vương - Đường vòng Lâm Viên.

2. Khu Hoà Bình - Nguyễn Văn Trỗi - Bùi Thị Xuân - Phù Đổng Thiên Vương - Đường vòng Lâm Viên.

3. Khu Hoà Bình - Lê Đại Hành - Nguyễn Thái Học - Bà Huyện Thanh Quan - Nguyễn tử lực - Đường vòng Lâm Viên.

HỒ TUYỀN LÂM

Hồ Tuyền Lâm (trước đây gọi là hồ Quang Trung) cách Đà Lạt 4km, dọc quốc lộ 20, phía Bắc thác Đa Tăng-la.



Khởi công năm 1978, sau 8 năm xây dựng, đập nước dài 235m hoàn thành ngăn nước suối Tía (Da Tria) tạo thành một hồ nước rộng khoảng 320ha chứa nước phục vụ cho khu vực quanh hồ và vùng Định An - Quảng Hiệp (huyện Đức Trọng).

Khách tham quan rất thích thú khi đi du thuyền trên mặt hồ, đến tắm mát ở thác đầu nguồn và chụp ảnh ở Đập tràn 7 tầng hoặc tổ chức picnic ở vùng quanh hồ.

Phía Đông hồ Tuyền Lâm, gần đập nước, là khu rừng trên 20 ha dành cho Thiên viện Trúc Lâm tiếp nối truyền thống Thiên tông thời Trần.

THÁC CAM LY

Thác Cam Ly là thác gần trung tâm thành phố Đà Lạt nhất, chỉ cách khu Hoà Bình 2,2 km về phía Đông - Nam.

Thác không đẹp và thường ít nước vào mùa khô nhưng nhờ ở vị trí gần trung tâm thành phố



nên du khách thường ghé thăm.

Một chiếc cầu bắc ngang qua suối Cam Ly phía trên thác giúp du khách đi từ bên này sang bên kia dòng suối.

Dưới chân thác là một vườn hoa nhỏ. Phong cảnh chung quanh thác không còn hoang vu như ngày xưa.

Người Lạch gọi thác Cam Ly là Liêng Tô Sra(5), về sau đổi thành thác Cam Ly mang tên đoạn suối chảy từ Liêng Tô Sra đến sông Đa Dờng.

Thác Cam Ly ở gần nhà số 68 đường Hoàng Văn Thụ. Lộ trình đến thác Cam Ly: Khu Hoà Bình - Đường 3 tháng 2 - Hoàng Văn Thụ

THÁC ĐA TĂNG-LA

Thác Đa Tăng-la (Đa Tanla hay Datanla) ở ven quốc lộ 20 gần giữa đèo Prenn, cách Đà Lạt 5km.



Nằm trong khu rừng dự trữ nên Đa Tầng-la còn có vẻ đẹp hoang dã. Nước đổ mạnh trên những tầng đá nhiều tầng chồng chất giữa hai triền dốc tạo thành nhiều thác liên tiếp, có chỗ nước chảy giữa khe nứt tạo thành hồ sâu gọi là “Vực tử thần”.

Một số du khách đã gọi đùa Đa Tầng-la là “thác rên la” vì muốn xuống tham quan thác phải đi bộ theo một con đường dốc quanh co lượn theo sườn đồi dài hơn 0,5 km, nhưng đã du lịch Đà Lạt mà không đến thác Đa Tầng-la là một điều thiếu sót lớn.

Phía dưới thác Đa Tầng-la là một chuỗi thác khác, hùng vĩ nhất là thác Doong Nham, đường khó đi.

Đa Tầng-la là tên dòng suối, người Lạch gọi thác Đa Tầng-la là Liêng Du Rpu Kwáng (con trâu đục té) vì theo truyền thuyết, ngày xưa có một con trâu đục té xuống thác này.

THÁC PRENN

Trên đường từ TP. Hồ Chí Minh lên Đà Lạt, vừa qua khỏi ranh giới của thành phố Đà Lạt với huyện Đức Trọng, du khách gặp thác Prenn.



Thác Prenn nằm sát ngay bên cạnh quốc lộ 20, dưới chân đèo Prenn.

Từ trên cao, nước đổ qua một vòm đá huyền vũ rơi xuống trải đều như một bức rèm trắng xoá đẹp tựa như mái tóc của nàng tiên.

Khách đến tham quan thác Prenn thích thú đi

qua chiếc cầu nhỏ bắc trong lòng thác, để mặc cho bụi nước tung toé bám vào người, mang lại một cảm giác sảng khoái đặc biệt - cảm giác của con người hoà với thiên nhiên.

Trong những năm 1960, thác Prenn có một vườn thú nhỏ với voi, cạp, gấu, hươu, nai, khỉ, trăn, công... Hiện nay, chỉ còn vài loài thú và chim muông.

Trước đây, phía trên thác Prenn có buôn Prens, nên thác mang tên gọi phổ biến là Prenn. Người Lạch gọi thác Prenn là Liêng Tarding.

Trong ngôn ngữ Lạch, Prens là tên gọi của cây cà đắng, nhưng buôn Prens là một địa danh không thể giải thích được như một số địa danh khác của người Lạch.

(1) Số liệu này không chính xác vì in nhầm.

(2) Bản đồ Đà Lạt năm 1960 gọi ngã tư này là ngã tư Ba Đình.

(3) Theo Pineau, từ năm 1990, kỹ sư Rousselle đã nghi đến một hồ nước nhân tạo ở Đà Lạt [2].

Theo sáng kiến của công sứ Cunhac, năm 1919, kỹ sư công chánh Labbé xây dựng Hồ Lớn. Năm 1921 - 1922, theo lệnh của công sứ Garnier, đập được nâng cao và nối dài thêm. Năm sau, một đập thứ hai được xây dựng ở phía dưới đập đầu tiên tạo thành hai hồ nước. Cả hai đập này không có đập tràn kiên cố nên bị cơn bão dữ dội tháng 5 năm 1932 phá vỡ. Ngay sau đó, đập nước được xây dựng lại với cùng điều kiện. Đập bằng đá hiện nay được xây dựng vào năm 1934 - 1935 ở phía hạ lưu hai đập trên [3]. Đập này do kỹ sư Trần Đăng Khoa xây dựng ở vị trí chiếc cầu bắc ngang qua suối Cam Ly, dẫn đến nhà viên quan đạo và ngày nay thường gọi là “Cầu Ông Đạo”.

(4) Trên bản đồ Đà Lạt năm 1963, rừng Ái Ân (Bois d'Amour) ở từ cuối đường Triệu Việt Vương đến khóm Quang Thừa. Rừng Ái Ân ở Hồ Than Thở là tên đặt về sau.

(5) Theo truyền thuyết, ông Tô và bà Sra mở mang vùng Khang Pang Mly. K'Mly hay K'Mlài là tên một dòng họ người Lạch.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. *Monographie de Dalat*, Mairie de Dalat, 1953.
2. L.G. Pineau, *Dalat, capitale administrative de l'Indochine?* Revue indochinoise juridique et économique, Hanoi, 1972, N° 2.
3. A. Baudrit, *La naissance de Dalat*, Indochine, 1933, N° 180.
4. Đỗ Xương Toàn, *Tìm hiểu Đà Lạt và thắng cảnh*, Địa dư, Đà Lạt, 1.4.1970.
5. Daniel Robinson, Joe Commings, *Vietnam, Laos and Cambodia*, Lonely planet, Australia, 1991.

PHONG TỤC, TẬP QUÁN CỦA NGƯỜI LẠCH

NGUYỄN TUẤN TÀI
ĐOÀN NAM SINH - LIÊNG HỒT HASUÊ
PHÙNG KHẮC CƯỜNG - NGUYỄN HỮU TRANH

Sống trong cộng đồng và giữa thiên nhiên, con người phải tự đặt ra những cách ứng xử. Thiên nhiên đối với người Lạch không phải vô tri (bởi vì đã có một thời con người cũng như muôn vật còn nói chuyện được với nhau như trong chuyện cổ tích vẫn kể). Bên cạnh con người còn một lực lượng siêu nhiên hằng tồn tại, trú ngụ trong những khu rừng hoang dại, trên những đỉnh núi cao rậm rạp và hiểm trở, trong những hang thẳm khe sâu. Đây là các Yang và Chạ (ma quỷ), một lực lượng chi phối cuộc sống thường nhật của con người. Các nhất là thần Ndu - đấng tạo hóa của muôn loài, thần sét, thần núi Lang Biang... Và gần gũi hơn là thần núi, thần nước, thần nhà, thần ghè... thậm chí có những dòng họ, những gia đình thờ những ông thần riêng, mà theo họ đây là những nơi thiêng liêng trong những giấc mơ họ thấy được (họ Chil ở Bonom đơn zu, Bon Yô ở thác Pàng Chạ (suối Đa Sar), Liêng Hốt ở Đa Pla (chân núi Lang Biang)).

Người Lạch tin rằng mọi sự may rủi trong cuộc đời của họ từ thiên tai đến bệnh tật, tai nạn đều do các vị thần và ma quỷ can thiệp vào. Vừa kính trọng, vừa cầu cạnh, người Lạch bao giờ cũng tổ chức những nghi lễ long trọng để cầu thần linh đứng cạnh và bảo vệ, giúp đỡ mình. Ngoài ra, họ phải thực hiện một hệ thống kiêng cử khá rườm rà, trong từng cử chỉ, hành vi ứng xử với tự nhiên và con người. Chẳng hạn như phải luôn giữ lửa trong bếp, khi nấu ăn không được nói chuyện, sản phụ kiêng thịt tươi, thầy phù thủy kiêng thịt heo, củi thì không chụm đống ngọn trước, không dùng củi gần nhà vì đó là củi bản, bắt tay phải, đi qua mọi người dang ngồi phải hơi khom lưng xuống, không chỉ tay vào mắt nhau khi tranh cãi v.v... Sau này, có thể do tiếp xúc với văn hóa Chăm pa (?), ở người Lạch đã xuất hiện một lớp người có khả năng tiếp xúc với lực lượng siêu nhiên - cau gru (thầy phù thủy). Thầy phù thủy (pô gru), thầy cúng (pô jâu) trở thành một lớp người quan trọng trong xã hội Lạch, họ tham gia điều hành các kỳ tế lễ trong buôn làng. Họ vừa chữa bệnh bằng thuốc và bằng pháp thuật, bởi họ "có những quyền năng hơn người": dùng bùa phép để giải trừ ma quỷ, có phù chú cùng những vật cúng tế để giảm bớt những cơn thịnh nộ của thần linh, có bùa ngải để trừng phạt hay giúp đỡ những người khác chinh phục lẫn nhau, có khả năng phát hiện ra ma lai và khi cần họ đứng ra chịu sự thử thách trước thần linh và buôn làng. Những biểu hiện tôn giáo định kỳ nhất là những lễ nghi nông nghiệp. Xen vào đó có những lễ nghi bất chợt, như ăn mừng chiến thắng hay hòa giải với làng thù địch, tế lễ vì thiên tai, dịch bệnh. Các gia đình

cũng có thể tổ chức một vài nghi lễ theo những sự kiên đòi hỏi của riêng gia đình mình.

Các lễ nghi nông nghiệp của người Lạch mặc dù có ít hơn so với người Sré làm lúa nước, hay người Mạ. Chil làm rẫy, nhưng cũng gắn chặt theo các khâu lao tác:

1. **Gieo lúa (chè dúng):** cúng một con gà và một ghè rượu.

2. **Khi lúa trở bông (nhỏ dúng):** cúng lớn hơn, giết heo hoặc dê và một ghè rượu, cầu mong thần lúa phù hộ cho được mùa, không bị thiên tai.

3. **Đạp lúa:** Người ta mổ một con con gà cắm trên đồng lúa cho đến khi đạp xong. Ngoài ra còn cúng thêm heo gà với vài ghè rượu cần, mời bà con đến ăn uống ca hát vui chơi, sau đó lấy lúa. Ngày hôm sau mới chính thức đạp lúa.

4. **Cho lúa vào kho (lèn kuê):** thường cúng hai trúng gà và một nắm lúa bày lên mâm để mời thần lúa (Yang kuê).

Trong suốt thời gian thu hoạch, chủ nhà phải thực hiện một số kiêng cử như: không tắm giặt, không ăn thịt nai (vì nai hay phá lúa, sợ lúa giân bỏ đi), không ăn thịt lợn (vì sợ trơn tuột mất lúa), không ăn con nòng nọc (vì sợ lúa bị teo khi nấu, lúa lép)... Các thú đồ chơi là đồ bản như gửi đi lấy củi, rổ xúc tép không được mang vào sân lúa. Chúng ta hãy nghe một bài cúng lúa như sau:

"Ơ lúa

Mặt trời đã mọc

Mời về ăn cơm

Mặt trời đã cao

Mời về uống rượu

Cum lại một chõ

Ở mãi với ta

Những lúa dút đầu

Những lúa khô ráo

Lúa vãi dọc đường

Về đây tất cả..."

Khi mùa màng đã thu hoạch xong, cả làng tổ chức lễ dâng trâu (sa ropu) để tạ ơn thần linh, đặc biệt là thần Ndu. Thần núi Lang Biang được người Lạch cúng tế vào dịp dời làng hay khi bị thiên tai, dịch họa. Người Lạch coi đây là thần hộ mệnh của buôn làng. Ngoài những gia súc được hiến sinh, trên mâm cúng có một chiếc riu với ba chén nước. Nghi lễ được tổ chức dưới chân núi Lang Biang. Việc

tổ chức lễ hội sau vụ thu hoạch thường kéo dài nhiều ngày, được người miền xuôi gọi là Tết Thượng. Các gia đình thay phiên nhau mỗi năm hiến một con trâu để tế lễ. Lễ được tổ chức ở ngoài trời trước nhà chủ hiến tế hay chủ làng, có cây nêu được trang trí sắc sỡ và buộc trâu vào đó, dàn cờ chiêng được huy động cùng mọi người nhảy múa. Thịt trâu được xẻ ra và chia cho từng gia đình, tổ chức ăn uống theo lòng nhà, máu con trâu thường được dùng để bôi vào trán mọi người như một sự cầu phúc. Dĩ nhiên mỗi nhà tùy theo khả năng có thể mổ thêm heo gà để cho bữa tiệc thêm phần thịnh soạn. Các thành viên ở trong buôn sẽ cùng lòng gia đình để chung vui, trước hết là những bà con thân thích, sau đó đến những người láng giềng thân cận. Sau cuộc tế lễ này, lúa mới được đưa ra sử dụng và bắt đầu những công việc như làm nhà, chuyển làng ...

Hôn nhân ở người Lạch theo chế độ mẫu hệ nên gọi là tục bắt chồng, dù rằng để đến với hôn nhân người con trai vẫn thường chủ động làm quen với các cô gái. Có những quý đình chung như anh em cùng dòng họ không lấy nhau (lính theo họ mẹ) và những quý đình riêng như không lấy người dòng họ thù địch, bị nghi là ma lai. Ở người Lạch đã có một thời cấm kết hôn giữa những dòng họ như Liêng Hót và Đa Gut, Liêng Jẳng và Krajanh, Đa Gut và Pang Ting ... Tốt nhất vẫn là:

*" Mai riu, mai xà gạc thì tìm đá cùng
Đặt bày bắt chim nên tìm lối môn
Lấy vợ lấy chồng con có con cháu "*

*" Bò ruông thì dòi
Cật vạy thì ngheo
Bò con cô con cậu thì thành day tổ "*

Hôn nhân giữa những người cùng buôn cho đến nay vẫn còn phổ biến, nhưng người Lạch do nhiều nguyên nhân nên việc lấy người khác buôn, khác dân tộc, được cởi mở và không bị cấm đoán ngặt nghèo như xưa. Chế độ một vợ một chồng khá bền chặt. Trường hợp vợ hoặc chồng bị chết, sau một năm người sống mới có quyền lập gia đình. Tục nối dây vẫn còn tồn tại. Việc li dị do Hội đồng già làng xét xử thường được cho phép khi một trong hai người ngoại tình hay thiếu trách nhiệm với gia đình con cái. Người gây ra sự thiệt hại đó phải bồi thường. Người phạm tội ngoại tình bị phạt rất nặng, hai đến ba con trâu (dĩ nhiên có những ghè rượu kèm theo !). Nếu không thực hiện, thì mọi tai họa xảy ra đời với làng trong năm đó người này phải gánh chịu.

Tục cưới xin của người Lạch cho đến nay càng trở nên đơn giản, họ nhà gái cùng đi với 3 - 4 người, trong đó có một người có tai ấn nói làm ông mai (cau dut) đến nhà trai để đàm hỏi. Nếu bị từ chối, họ sẽ đi lại nhiều lần cho đến khi đồng ý, và sau đó tiếp tục làm lễ vấn danh với bà con họ hàng nhà trai. Trong những lần như vậy người con gái cùng đi với gia đình, mọi sự trao đổi giữa hai gia đình

đều diễn ra công khai trước mặt cô dâu và chú rể. Cuộc liên hoan đưa chú rể đến nhà gái cũng chỉ gồm 3 - 4 người từ nhà trai gọi là lễ pô jăng (nhắc chân) cũng rất gọn nhẹ. Mọi sự trao đổi quan trọng nữa giữa hai họ là đám cưới lớn (tam li) sau hai năm chung sống với nhau, có khi họ đã kịp sinh con đẻ cái. Đám cưới bao giờ cũng vui vẻ, cặp vợ chồng hẹn thắm với nhau gắng sống như lời chúc của cha mẹ trước thần linh:

*" Hôm nay cho con trai con gái cùng chung sống
Như trâu thấy nhà để về chuồng
Hãy ăn ở đến già
Hãy làm lụng cùng nhau
Sống đến bạc đầu
Tâm tình không chán
Đừng lang thang như con bướm với hoa
Sống cho đến khi lưng còng
Đi làm biết chỗ để về
Đi rẫy biết nơi mình ở
Đi rừng vẫn nhớ nhà ... "*

Đám tang của người Lạch cũng như mọi đám tang của người Thượng Tây Nguyên. " Dứt khoát trả người chết về với núi rừng không hề nuôi tiếc viên đến hình thức thờ phụng tổ tiên", từng cộng đồng người Thượng vẫn giữ người thân của mình trong một không gian áp sát không gian người đang sống để có đủ thời gian tỏ hết tình thương mến một lần cuối. Tờ băng lễ vật hàng ngày, cả băng mọi khả năng trí tưởng tượng thẩm mỹ từ tượng mã và trang trí trên nhà mã cho đến tiếng chiêng nhịp múa.

Cuộc chia tay với người đã mất thật long trọng và thường kéo dài 2 - 3 ngày trời lên. Ngày đầu đám tang mổ trâu uống rượu, chiêng trống đánh theo nhịp đồn dập, người khóc theo một nhịp điệu nhất định như một bài văn vần ca ngợi công đức của người chết, bày tỏ nỗi thương tiếc của mình và tay rung lục lạc theo điệu ứng khẩu của từng người. Người chết được hưởng một phần của cải mà gia đình chia cho, họ vẫn được tiếp tục chăm sóc trong những ngày tiếp theo bằng những lần cúng cơm. Sau 7 ngày, người sống phải quay về với xã hội của mình và không bao giờ quay lại nơi chôn người chết để thăm viếng. Trong một thời xa xưa, sau một lễ bỏ mả (bỏ thi), người ta có thể cải táng người chết đem chôn vào mộ chung của dòng họ. Khi an táng, người ta cũng thêm một con gà trống làm cho nó chết dần với quan niệm cho là để hồn người chết nhập vào đó khởi quay về làng gây phồn nhiêu người sống. Chủ nhà nhờ bà con vào rừng chặt cây đóng quan tài và trang trí lên đó bằng hình vẽ sắc sỡ, người chết được bó vào cái chiếu có trang trí hoa văn trông thật đẹp (pèl dang) và được đưa về nghĩa địa (liêng boic) phía mặt trời đi nghỉ sau một chu kỳ chiếu sáng.

(Trong Đà Lạt - Thành phố cao nguyên)

HOA

Bộ từ điển bách khoa THE WORLD BOOK ENCYCLOPEDIA xuất bản ở Luân Đôn đã dành 24 trang để giới thiệu về HOA. Sau đây là một số đoạn trong bộ từ điển nổi tiếng này.

CÁC PHẦN CỦA HOA

Một loại hoa tiêu biểu thường mọc trên *đế hoa* là phần cuống hoa phát triển lớn ra tạo thành. Phần lớn các hoa có 4 phần: đài hoa, tràng hoa, nhị và nhụy.

Ngoài cùng là *đài hoa*, rồi đến *tràng hoa*. Cả hai hợp thành *bao hoa*. Nhị là cơ quan sinh sản đực nam trong tràng hoa. Nhụy là cơ quan sinh sản cái nằm ở vị trí trong cùng nhất của hoa.

Đài hoa: thường tạo bởi những lá đài nhỏ màu xanh. Các lá đài nhằm bảo vệ phần non bên trong của búp hoa. Khi búp hoa lớn hoàn chỉnh, lá đài sẽ mở rộng ra, có thể rụng đi. Các lá đài có khi cong ngược lại hoặc có thêm gai lờm chùm để ngăn cản các loại côn trùng: ong, kiến, bọ chui vào trong hoa từ bên dưới.

Tràng hoa thường gồm các *cánh tràng* nhiều màu sắc. Màu sắc của tràng hoa nhằm thu hút chim và côn trùng đến để giúp hoa thụ phấn. Một số loài hoa không có tràng hoa thì các lá đài lại mang nhiều màu sắc như các cánh tràng. Ở các cây thuộc họ Lili, lá đài và cánh tràng hầu như giống nhau cả về hình dạng, màu sắc và kích thước. Đài và tràng giống nhau như vậy được gọi chung là *cánh hoa*.

Ở các cây tần bì (ash tree) hoa không có đài

lẫn tràng nên được gọi là *hoa trần*.

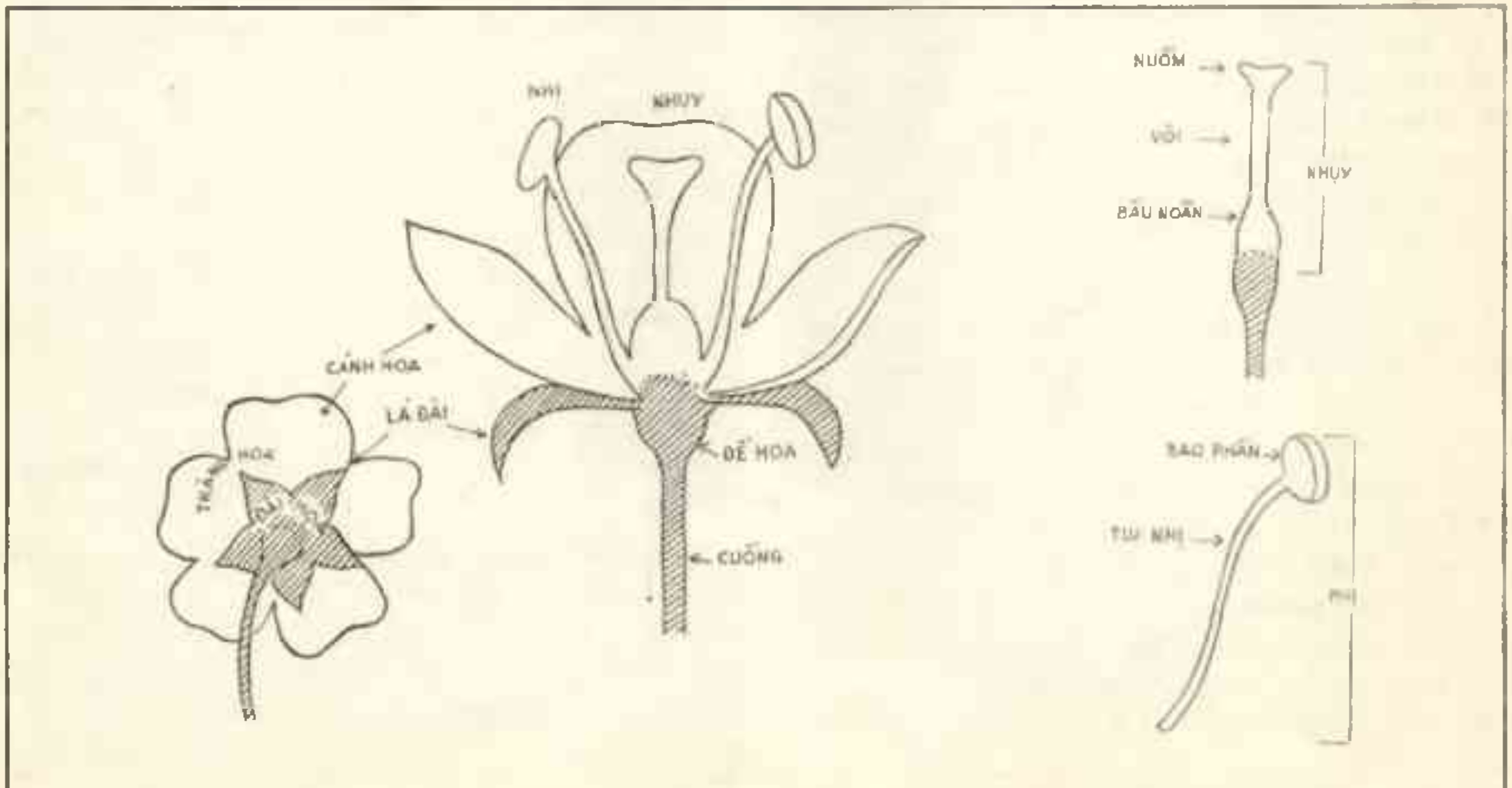
Tràng hoa có thể hợp dính lại với nhau thành dạng ống, loa kèn, dạng chén,... ở một số loài hoa kép như cẩm chướng và hoa hồng số cánh tràng rất nhiều.

Nhị: Số lượng nhị có thể từ một đến cả ngàn. Nhị thường tách riêng từng chiếc. Nhưng cũng có hoa nhị lại hợp thành vòng hoặc chén. Ở một số loài hoa khác như thủy chung (lobelia), lupin, cẩm quỳ, nhị lại kết thành ống. Ở phần lớn các thực vật, mỗi nhị thường có *tua nhị*. Đa số các tua giống như sợi chỉ, nhưng cũng có loại phẳng det như giấy hoặc có cánh, có răng cưa... Trên đỉnh tua nhị phình to ra thành *bao phấn*. Bao phấn thường gồm 1 đến 2 *túi phấn*. *Hạt phấn* sinh ra trong túi phấn. Nhị không có túi phấn hoặc không sinh ra hạt phấn gọi là *nhị lép*.

Nhụy: Số nhụy của một hoa có thể thay đổi từ một đến nhiều nhụy. Ở vài loại hoa có nhiều nhụy liên kết lại thành một *nhụy kép*. Bình thường, mỗi nhụy gồm 3 phần: *nuôm*, *vòi* và *bầu noãn*. *Nuôm nhụy* ở trên đỉnh có thể phình to ra hoặc nhỏ và hết sức nhỏ khó nhìn thấy. Khi nuôm "chín", bề mặt có chất dính sẽ bắt giữ lấy bất cứ hạt phấn nào rơi trên nuôm. Bên dưới nuôm là *vòi nhụy* dài và mảnh dẫn đến *bầu noãn* hơi dài và tròn. Ở vài loại hoa, nhụy không có vòi, nuôm nằm ngay trên bầu noãn. Bầu noãn sinh ra *tiểu noãn* phía bên trong và tiểu noãn sau này sẽ phát triển thành hạt.

NHỮNG KHÁC BIỆT VỀ HÌNH THỨC CỦA HOA

Không phải tất cả các hoa đều có đủ 4 phần kể



trên. Những hoa không đầy đủ (bất toàn) như: anemon, xu-xi và liễu, lại thiếu một hoặc nhiều bộ phận kể trên. Hoa hồng, huệ và những hoa đầy đủ khác thì có đủ các phần của hoa. Những *hoa không hoàn chỉnh* (imperfect) như cỏ lồi bấc (bubrush) và rau mác (arrowhead) thiếu cả nhị lẫn nhụy. *Hoa hoàn chỉnh* phải có nhị và nhụy, *hoa đực* là hoa có nhị mà không có nhụy. *Hoa cái* là hoa có nhụy mà không nhị.

Ở các *cây đơn tính đồng chu* như hải đường hoặc thài dậu, hoa đực và hoa cái có trên cùng một cây. Ở các *cây đơn tính biệt chu*, như liễu hoa đực và hoa cái ở trên từng cây riêng biệt.

Ở các *cây di hoa đồng chu* như ở vài loại tần bì, cây thích (maple), ô-liu trên một cây vừa có hoa hoàn chỉnh vừa có hoa không hoàn chỉnh.

Ở các *cây hoa toả tia đối xứng*, nếu cắt hoa thẳng góc và ngay giữa ở bất cứ hướng nào thì 2 phần bị cắt đều giống nhau y hệt. Cây mao lương (Buttercup), hoa hồng đại là những hoa toả tia đối xứng.

Hoa Lan, hoa mồm chó (snapdragon), cây đậu hoa (Sweet pea) là những *hoa đối xứng lưỡng phân*. Hai phần bị cắt ra chỉ giống nhau nếu cắt đúng hướng theo chiều dài.

Hoa có thể mọc đơn lẻ hoặc tụ lại với nhau thành chùm. Tất cả các hoa trên cây hợp nhau lại tạo thành *phát hoa* (inflorescence). Nhiều người lầm phát hoa với hoa, chẳng hạn như một hoa dandelion hoặc daisy thực tế là một phát hoa được tạo bởi hàng trăm hoa bé nhỏ mọc sát nhau.

Bên dưới phát hoa thường có phiến giống như lá gọi là *lá bắc*. Các lá bắc có thể mọc thành vòng phía dưới phát hoa. Màu sắc lá bắc có thể sắc sỡ làm cho ta có thể nhầm là hoa của các cây như trạng nguyên và nhiều nhánh trong họ cuốn kèn (arum). Hoa thật của những cây này thật ra nằm ở phía trong bẹ của các lá bắc.

CÁCH THỨC SINH SẢN

Sự thụ phấn là sự đưa hạt phấn từ bao phấn đến nuốm nhụy. Đây là bước đầu tiên của việc sinh sản ở các hoa. Có 2 cách thụ phấn: tự thụ phấn và thụ phấn chéo.

Thụ phấn chéo: gió, nước, côn trùng, động vật có thể giúp mang hạt phấn từ túi phấn của một hoa này sang nuốm nhụy của một hoa khác. Côn trùng và chim thường giúp sự thụ phấn chéo ở những hoa có bao hoa (dài và tràng hoa) màu sắc sắc sỡ. Chính màu sắc và hương hoa đã thu hút các côn trùng. Côn trùng thường đến vào lúc hoa nở rộ để tìm thức ăn

dưới dạng phấn hoa và mật hoa. Ở nhiều loại hoa, sự thụ phấn chỉ do vài loài côn trùng gây nên; có khi một loài côn trùng duy nhất giúp cho sự thụ phấn của hoa. Một số loài hoa daisy ở Châu Âu thụ phấn nhờ loài ốc. Ngoài ra dơi cũng góp phần giúp sự thụ phấn ở một số các loại hoa. Sự đa dạng của các bộ phận hoa được cấu trúc nhằm giúp côn trùng và chim khi đậu vào hoa sẽ giúp cho sự thụ phấn. Hạt phấn nặng thường bám vào sợi lông của chim thú để phát tán. Côn trùng mang lấy hạt phấn khi chúng bò ra khỏi hoa và sẽ mang hạt phấn đến nhụy của hoa khác. Phát hoa của các Arum cũng có tác dụng như một cái bẫy đối với côn trùng trong cách thức tương tự như vậy.

Gió giúp thụ phấn cho hoa ở những loại cây như thông, sồi, cỏ... cây thụ phấn nhờ gió thường có hoa không đầy đủ và nhỏ, hoa không có màu sắc sỡ, không có mật để thu hút côn trùng. Gió có thể mang hạt phấn khô nhẹ sang các hoa khác và dạt trên các nuốm lớn.

Một số loài thực vật còn thụ phấn nhờ nước. Hạt thường trôi nổi trên mặt nước cho đến khi gặp nuốm nhụy. Ở một số cây, sự thụ phấn lại xảy ra ở trong nước (phía dưới mặt nước) như rong tóc tiên (eelgrass) và rong đuôi chó (hornwort).

Sự tự thụ phấn là sự đưa hạt phấn từ nhị của một hoa sang nuốm nhụy của chính hoa đó. Một số loại hoa như hoa tím (violet)... cũng tự thụ phấn được nếu sự thụ phấn chéo không xảy ra.

Có nhiều loại hoa phát triển theo một cách thức khiến hoa không thể tự thụ phấn được. Ở Willow herb, crane's-bill... nhị phát triển sớm hơn nhụy, cho nên nuốm chua thể thụ phấn khi các túi phấn tung hạt ra. Và khi nhụy trưởng thành thì hầu như nhị đã khô héo. Ở một số loại hoa khác thì nhụy lại phát triển mọc cao hơn nhị nên hoa cũng không có khả năng tự thụ phấn. Ở những thực vật này, chủ yếu là nhờ sự thụ phấn chéo.

Sự thụ phấn: khi hạt phấn của hoa đậu được trên nuốm nhụy của hoa cùng loại, nó sẽ phát triển thành một *ống phấn* đi xuống vòi dẫn đến *bầu noãn*. Ở đó xảy ra sự thụ phấn giữa nội chất trong ống phấn và tiểu noãn. Sau đó tiểu noãn sẽ biến thành hạt còn bầu noãn lớn ra phát triển thành trái với hạt ở bên trong.

Sự nhân giống vô tính xảy ra ở một số loài cây. Phần ngầm dưới đất có thể phân cắt và mọc thành ra nhiều cây mới. Cây thủy tiên vàng (daffodil) da lan hương (hyacinth), Tulip phát triển và sản sinh ra các thân hành. Mỗi năm các phần này nhân lên một cách tự nhiên, phát triển thành các cây mới. Cây đậu

tây thì lại cho các *thân bò* mọc trên mặt đất. Cây mới có thể hình thành ở đầu thân bò này sau khi bắt rễ ở đất. Cây dâu tằm (blackberry) có thể uốn cành chạm đất và cây mới sẽ phát triển nơi cành đã bén rễ. Những loài cây này cũng sản sinh bằng cách thụ phấn.

Sự lai giống: Theo nguyên tắc, hạt phấn chỉ thụ phấn với nhụy hoa cùng loài. Nhưng đôi khi những loại cây có quan hệ gần cũng có thể cho hoa thụ phấn lẫn nhau. Sự thụ phấn chéo như vậy sẽ cho các *giống lai*. Những giống lai này sẽ có cả đặc tính của cây cha lẫn cây mẹ. Thành thạo cây lai cho các thể đột biến ở hoa như về màu sắc, kích thước, ở dạng lá hoặc ở các đặc tính khác của cây. Những cây như thế được gọi là *biến dị* (sport). Nếu hạt các cây này nảy chồi cho cây mới cũng có cùng các tính chất mới nói trên thì các cây này được gọi là *đột biến* (mutant)

Những nhà trồng hoa thường cho lai giống, gây biến dị, đột biến bằng cách thụ phấn chéo giữa các giống lai, hoặc lai với cây cha mẹ, lai với cây có quan hệ gần. Những nhà trồng hoa nhờ vậy đã gây được các giống mới từ các hoa thông thường như: loa kèn, lan, hồng, tuy-líp.

Các nhà trồng hoa còn dùng biện pháp cắt ngang phần thân của cây đặt vào cát ẩm ướt hay than bùn cho đâm rễ để rút ngắn thời gian phát triển của cây, vì cây mọc nhanh hơn cây trồng từ hạt giống. Cây cảnh trong nhà thường được tạo từ các nhánh cắt này.

CÁCH ĐẶT TÊN HOA

Tên thông thường: Từ thời xa xưa người ta đã đặt tên cho cây mọc ở chung quanh. Đó là tên gọi thông thường của cây.

Một số hoa được mang tên của vật mà hoa mang hình dáng tương tự như: cây phụ tử (monkshood), nắp ấm (pitcher plant)...

Một số hoa giống hình dáng của côn trùng hoặc con thú nào thì cũng được gán tên: cánh hoa li-li (tiger lily) giống như da cạp, lan kim điệp giống như con bướm... Hoa cũng được đặt tên theo bệnh mà hoa để dùng làm thuốc trị: toothache tree chữa nhức răng, woundwort chữa vết thương cổ phổi (lungwort) chữa bệnh phổi, lá cây liverleaf chữa bệnh gan.

Tên thông thường dễ lẫn lộn vì mỗi nơi có thể đặt tên gọi một cách khác nhau. Cùng một tên gọi (như ironwood) có thể có đến 20 - 30 loại cây khác nhau và thuộc ít nhất là 8 họ trong thực vật hiện hoa.

Tên khoa học là tên được các nhà thực vật đặt cho cây. Tên khoa học bằng tiếng La Tinh, và được gọi giống nhau ở mọi nước. Tên khoa học có 2 phần: tên *chi* và tên *loài*.

Thí dụ: cúc tây (daisy) tên là *Bellis perennis*, như vậy cây thuộc chi *Bellis* và loài *perennis*.

Su quan hệ giữa các loài cây khác nhau được xác định dựa chủ yếu vào các bộ phận sinh sản của chúng.

NGUYỄN THUY HOÀNG
lược dịch

HOA TUY-LÍP

Hoa tuy-líp (tulipa) đã được loài người nhắc đến từ thế kỷ XI-XII. Tên gọi của nó xuất phát từ nguồn gốc tiếng Ba-Tur "toliban" - Tulipa, có lẽ hoa của nó giống như chiếc mũ của người phương Đông.

Thổ Nhĩ Kỳ là nước đầu tiên nuôi trồng và chọn giống loài cây dạng hành này, nơi mà hàng năm khắp các thành phố tổ chức lễ hội hoa tuy-líp. Trong những ngày hội ấy, khắp nơi vang lên tiếng nhạc, khắp mọi nhà đều được trang trí bằng hoa tuy-líp và tổ chức các cuộc diễu hành trọng thể.

Hoa tuy-líp đi vào các vườn thực vật của Hà Lan từ năm 1569. Điều kiện đất đai và khí hậu ở đây tỏ ra rất thích hợp với tuy-líp nên đã được nhân rộng và phổ biến đến cực điểm. Vào thế kỷ XVII hoa tuy-líp trở thành hoa hợp thời trang, nhân hiệu hàng hóa của nhiều nhà kinh doanh.

Hiện nay, ở Hà Lan, có một công viên được xây dựng từ năm 1949 chuyên trồng, sưu tập và giới thiệu nhiều giống hoa tuy-líp đặc sắc trên thế giới cho khách tham

quan từ bốn phương. Đã có quyết định là mọi khoản lợi nhuận thu được từ công viên này chỉ dùng để tiếp tục trồng và chăm sóc hoa tuy-líp. Ngày nay, Hà Lan thật sự trở thành "vương quốc" của hoa tuy-líp mà ai cũng thừa nhận khó có thể tìm thấy một đất nước nào như thế. Dù là mùa nào, thời tiết nào, khách tham quan đều có thể đến đây chiêm ngưỡng loài hoa muôn sắc quý giá này.



TỪ NHỮNG KHO TÀNG ĐƯƠNG ĐÔNG

Huệ ánh vàng (*Lilium auratum*) là một trong những loại hoa đẹp của thế giới. Ở đảo Khon-xia (Nhật Bản), nó có thể cao đến 2,4m. Trong điều kiện khí hậu rét buốt, huệ ánh vàng có thể thấp hơn,



nhưng chiều cao trung bình khoảng 1,5m.

Ở Nhật Bản, hoa này được gọi là "lama-luri" - huệ núi. Loài cây này phát triển trên độ cao 1.500 - 1.800m so với mặt biển giữa các loài đỗ quyên và cây bụi theo các sườn núi hướng Đông.

Huệ ánh vàng xuất hiện ở Nhật Bản vào năm 1862, sau đó được sử dụng làm vật liệu khởi đầu cho lai tạo. Các tổ hợp lai có sự tham gia của huệ ánh vàng đã cho ra gần 300 giống mới.

Ngoài *Lilium auratum* là loài chính, còn có một số thú tự nhiên có những đặc điểm khác biệt với nó như: huệ ánh vàng lá rộng (*L.a.var.platyphyllum*); huệ ánh vàng sọc đỏ (*L.a.var.rubo-vittatum*); huệ ánh vàng đỏ (*L.a.var.rubrum*); huệ ánh vàng 3 màu (*L.a.var.tricolor*)...

Huệ là một trong những loài hoa đẹp nhất của hệ thực vật chúng ta. Cần bảo vệ và phát triển loại hoa này vì lợi ích của thế hệ mai sau.

HOA CÚC

Hoa "vàng" - tên gọi của loài hoa cúc - được

dịch ra từ tiếng Hy Lạp. *Chrysanthemum* có rất nhiều giống: cây cỏ, cây bụi nhỏ, cây một năm và cây nhiều năm.

"Nếu bạn muốn có một cuộc sống hạnh phúc, hãy trồng hoa cúc" - nhiều nhà thông thái của châu Á cũng nói như vậy. Cúc đã trở thành cây trồng ở Trung Quốc từ xa xưa. Tài liệu đầu tiên về loài cây này được nhà triết học nổi tiếng Kon-fu-cia nhắc đến trong quyển *Mùa xuân và mùa thu* 2500 năm về trước: Chúng có những bông hoa vàng thật lộng lẫy". Thật vậy, lúc bấy giờ người ta không những đã dùng cả cụm hoa cho trang trí mà còn dùng làm thực phẩm và thuốc chữa bệnh. Ngày nay, ở Trung Quốc, có hàng trăm loài cúc khác nhau; chỉ có loài sen và tre mới có thể cạnh tranh với chúng về sự mến mộ của con người.

Tổ quốc thứ hai của hoa cúc là Nhật Bản. Chúng đến đất nước này từ thế kỷ thứ tư sau công nguyên. Ở đây, chúng được mệnh danh là "mặt trời". Đã từ lâu, hàng năm, vào tháng 10, người dân Nhật Bản tổ chức "lễ hội hoa cúc". Cụm hoa của loài cây này vừa là biểu tượng của quốc huy dân tộc, của đồng tiền, của huân chương cao quý của Nhật Bản - "Huân chương hoa cúc". Không ở đâu trên thế giới có nhiều hoa cúc như ở Nhật.

PHẠM BÁ PHONG
lược dịch
(Theo ЦВЕТОВОДСТВО)



SALEM HAY OLYMPE ?

LƯƠNG VĂN SAU

Tại chợ Đà Lạt, các ki-ốt bán hoa dọc đường Nguyễn Huệ Thành phố Hồ Chí Minh, các chợ ở nhiều địa phương có bày bán một loài hoa nhiều màu sắc nhưng không phai màu, mỏng như giấy po-luya, lâu khô héo, thường gọi là hoa "Salem".

Năm 1966, sưu tập các giống hoa lạ để đem di thực vào Đà Lạt, tôi đã lấy giống nguyên chủng F₁ hoa Statice từ hãng Truffaut Versailles (Seine et Oise) ở Pháp về gieo trồng trong vườn hoa Đà Lạt. Giống hoa này có nhiều màu sắc khác nhau: màu trắng tinh, màu vàng tươi, màu đỏ Bordeaux, màu xanh lơ... và có nhiều hoa nhỏ ở đầu cành như các loại hoa cánh bướm.

Trong thời kỳ F₁, hoa nguyên chủng màu vàng có sinh thái rất yếu và khó lấy lại hạt lần kế tiếp, trong khi hoa có màu khác đều còn nguyên chủng, sinh trưởng tốt, thích hợp với khí hậu Đà Lạt. Hoa Statice này đều có thể tự tạo hạt dễ dàng, chỉ cần có kiến thức về kỹ thuật để giống loài hoa nhiều màu, tránh việc lai tạo tự nhiên trong thời gian lấy hạt.

Về sau, các nhà vườn không điều khiển được việc lai tạo để lấy giống hạt, chỉ dựa vào cây giống mẹ cho hạt tốt, chắc, mọc khỏe mà không kèm hãm được lai màu tự nhiên, nên dẫn đến tình trạng cây hoa sản xuất không còn giữ màu đẹp thuở đầu tiên.

Theo các quyền quảng cáo của các hãng sản xuất hạt giống của Pháp, hoa Statice mỗi màu đều có tên riêng:

- Statice armeria* (màu hồng),
- Statice Bonduelli* (màu vàng),
- Statice sinuata* (màu trắng),
- Statice latifolia* (màu xanh lơ)

Lúc đầu, bảng tên trong vườn hoa Đà Lạt ghi tên hoa Statice là hoa Tạ Tỷ theo cách dịch âm; để gọi tên hoa dễ hơn, người ta gọi loài hoa này là hoa giấy, hoa khô.

Năm 1967, nhiều nhà vườn thấy hoa đẹp, có thể sản xuất hoa cắt cành rất có lợi, nên nhập hạt giống của các hãng Vilmorin, Clause... Từ đó, hoa Statice được phổ biến rộng rãi, nơi nào chuyên trồng hoa đều có xen canh với Statice. Tại các chợ đã thấy nhiều quầy bán hoa kèm Statice vào những bó hoa khác như chong chóng, cẩm chướng... nhưng tên hoa không gọi là Statice mà lại gọi là "Salem" - tên một nhãn thuốc lá của Mỹ có hương thơm bực hà rất thông dụng lúc bấy giờ.

Nhu cầu của hoa Statice rất dai dẳng, sánh kịp với các hoa dành cho khách từ xa đến mua đem về nhà làm kỷ niệm sau chuyến tham quan Đà Lạt hay chuyên chở đến Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh khác. Hoa còn được bà con Đà Lạt mua về dùng trong những ngày lễ, giỗ hay trang trí nội thất vì giá cả không đắt lắm, vừa tiện dụng.

Ở Đà Lạt, hoa Statice được trồng rải rác ở nhiều nơi

Hà Đông, Đà Thiện, Thái Phiên, Cao Bá Quát... Nơi nào tự trồng để lấy giống và lai tạo tự nhiên thì dễ dàng trồng hoa quanh năm, bốn mùa đều cho hoa cung cấp cho thị trường, mang lại nguồn thu đáng kể. Hơn nữa, đất vườn trồng rau không bị hoa cạnh tranh, người làm vườn dễ thực hiện phương pháp đa canh.

Khảo sát lại mẫu vật, hoa Statice thuộc họ Bướm (*Plumbaginaceae*). Ở Việt Nam, họ thực vật này không có công dụng quan trọng.

Hai chi trong họ Bướm điển hình nhất tại nước ta là *Plumbago* và *Statice*.

Trong chi, *Plumbago* (bướm xanh), *Plumbago repens* có hoa to và đẹp được các nhà trồng hoa xếp vào loài cây kiểng quý.

Chi *Statice* gồm có các loài mọc hoang dại ở vùng duyên hải, ít khi gặp, tên khoa học là *Statice maritima*, tên thông thường Việt Nam là Hải anh.

Từ lâu, những người trồng hoa ở Đà Lạt đã trồng hoa cúc bất tử (Immortelle: *Helichrysum bracteatum*) nay hoa bai lủ vì sau khi cắt, hoa vẫn ở trạng thái như còn tươi và cắm trong lọ dùng được rất lâu. Hoa bất tử tuy có một vài đặc tính giống với hoa Statice (hoa giấy khô sử dụng được lâu bền) nhưng khác hoàn toàn với hoa Statice về hình dáng và họ hàng cũng rất xa nhau (Hoa bất tử thuộc họ *Compositae*).

Người Tây Ban Nha gọi hoa *Statice armeria* là Gazon d'Espagne; các ca-ta-lô của Pháp gọi hoa này là Gazon d'Olympe (cỏ Olympe).

Thay vì gọi Gazon d'Olympe dài dòng vẫn tự khó nhớ, người ta gọi trại đi thành "Salem" và tên hoa làm lần này vẫn được duy trì mãi đến ngày nay.

Đã đến lúc nên cải chính tên hoa cho đúng với tên thật của nó: hoa Statice hay Olympe.

Olympe (Ô-lem-po): ngọn núi cao 2.917m, nơi ngự trị của các vị thần trong truyền thuyết Hy Lạp.



HOA LAN HẢI

KS NGUYỄN VĂN TỚI

Liên hiệp khoa học sản xuất Đà Lạt

Lan - với số lượng phong phú về loài tự nhiên cũng như các giống lai nhân tạo, đã trở thành "nữ hoàng" của các loại hoa. Ở Đà Lạt, hoa địa lan *Cymbidium* đa dạng đã hấp dẫn không ít các nghệ nhân chơi lan cũng như du khách khi đặt chân đến Đà Lạt. Ngoài *Cymbidium*, Đà Lạt còn có một giống địa lan khác mà hiện nay đang trở thành "điểm nóng", thu hút sự chú ý của giới kinh doanh và thường ngoạn tại Đà Lạt. Đó là lan Hải *Paphiopedilum*.

Lan Hải là một giống lan riêng biệt, dễ dàng phân biệt với các loại lan khác. Phần lớn Hải là các loài sinh trưởng trong đất giàu mùn, gần khe suối, dưới tán rừng tre nứa với ánh sáng lốm đốm (có lẽ do đặc điểm này mà lá lan Hải có màu xanh đậm nhạt xen kẽ với nhau). Hoa hải bền, thường từ 10 đến 15 ngày mới tàn. Điểm đặc biệt nhất là cánh môi (label) có màu sắc sặc sỡ thì ngược lại, ở lan Hải, cánh môi và hai lá đài được cuốn lại tạo thành một "gót hải" nhỏ nhắn, xinh đẹp. Cũng do đặc điểm này mà người chơi lan đặt tên cho lan *Paphiopedilum* là lan "Hải Vệ nữ" (gót hải của thần Vệ nữ). Ngoài ra, cánh đài duy nhất (dorsal) thường phát triển đa dạng, nâng đỡ đôi cánh hoa được trang trí thêm những màu sắc tương phản hoặc những cấu trúc đặc sắc khác.

Trước kia, Đà Lạt có nhập nội một số giống Hải lai từ các nước châu Âu như các loại: *Paph. Exul*; *Paph. parishii*, *Paph. Fairieanum x Milmoore*; *Paph. King Arthur*; *Paph. Blendia*; *Paph. Winston Churchill*, *Paph. Geelong*; *Paph. Thunder Bay Flash*... với cấu trúc hoa lớn (đường kính hoa khoảng 15-20 cm), màu sắc đa dạng, gót hải nổi bật vì màu sắc tương phản với cánh hoa. Ngoài những giống lai nhập nội, Đà Lạt còn có những loài lan Hải tự nhiên, được xem là những loài nguyên chủng, chúng được tìm thấy trong những khu rừng tre nứa hoặc những khu rừng già của Lâm Đồng - Đà Lạt, phân bố rộng rãi theo độ cao từ 1.000- 1.800m. Đó là những loài *Paphiopedilum applettonianum*; *Paphiopedilum callosum*, *Paphiopedilum delenatii*; *Paphiopedilum villosum*...

* *Paphiopedilum applettonianum* với dáng thanh mảnh, nhỏ nhắn, mọc trên đất khô, gần suối. Cành hoa thẳng, cao từ 15-25cm, mang 1-2 hoa. Hoa có đường kính từ 5-8cm. Cánh đài hình bầu dục dài, màu xanh đậm với những đốm liên tạo thành sọc màu hồng đỏ hoặc phớt hồng ở đầu cánh. Cánh hoa với những nếp nhún tự nhiên ở phần gốc và thon dài ở đỉnh, đầu cánh màu đỏ son rực rỡ, phía trong có những sọc nhạt. Gót hải (label) màu xanh nâu với các vân màu xanh đậm ở gốc và màu vàng xanh ở chung quanh.

* *Paphiopedilum callosum* còn được gọi là Vân hải hay Thiết hải, cũng là dạng cây nhỏ, sống trong những khu rừng tre nứa dưới ánh sáng lốm đốm. Toàn bộ tán lá rộng 20-25cm. Cành hoa cao từ 10-15cm, thường chỉ mang một hoa duy nhất. Cánh đài hình bầu dục gần tròn, màu xanh trắng với những vân sọc màu xanh đậm ở gốc và đỏ hồng ở đỉnh. Cánh hoa thanh mảnh với màu xanh trắng lam nên và sọc đỏ nâu chạy dọc theo cánh, trên cánh hoa có những đốm nhỏ màu đỏ đậm. Gót hải thường hơi nhọn ở đỉnh và rộng ở gốc, màu xanh nâu với nhiều vân xanh đậm.

* *Paphiopedilum delenatii*, còn gọi là Hải hồng. Đây là loài mới phát hiện năm 1993 trong những khu rừng thưa của Lâm Đồng - Đà Lạt. Một số tài liệu trước đây cho biết Hải hồng là cây nguyên chủng của Việt Nam, không được phát hiện ở vùng nào khác trên thế giới.

Hải hồng có kích thước tương tự như Vân hải. Mặt trên lá có màu xanh nhạt, xen kẽ với những vệt màu xanh đậm. Mặt dưới lá là những đốm đỏ tím nhỏ, nằm sát nhau và phủ toàn bộ mặt dưới lá. Cành hoa cao 15-20cm, mang 1-2 hoa. Cánh đài hình bầu dục, màu trắng với nhiều sọc màu hồng nhạt. Cánh hoa rộng và tròn, màu trắng hồng. Gót hải tròn và hơi dẹt ra phía trước, màu hồng phấn với vân màu hồng đậm. Hầu hết các cây hải này thường tỏa hương vào buổi sớm.

* *Paphiopedilum villosum*, còn gọi là Kim hải. Khác với các loài trên, Kim hải là loài sống phụ sinh trên những cây cao, trong những hốc cây có nhiều chất mùn. Lá Kim hải không có những đốm xanh đậm nhạt xen kẽ mà thường là màu xanh trơn, lá có thể dài từ 25-35cm, mọc rũ xuống dưới. Cánh đài thường hẹp ở gốc và to dần ở đỉnh, màu vàng xanh hoặc trắng với những vân màu đỏ nâu. Cánh hoa có cấu trúc và màu sắc tương tự như cánh đài. Gót hải màu vàng nhạt hoặc vàng xanh với nhiều vân màu xanh đậm.

Lan Hải thường nở vào mùa xuân. Trong những năm trước đây, nghệ nhân trồng lan ở Đà Lạt chỉ chú ý nhiều đến hoa lan *Cymbidium* vì có nhiều giống, loài với màu sắc phong phú. Tuy nhiên, xu hướng thẩm mỹ đang dần dần trở về với những nét đẹp hoang dã của tự nhiên và cũng từ đó lan Hải đã tìm lại được chỗ đứng của mình, nhất là từ khi tìm lại được cây *Paphiopedilum delenatii*, sau gần một thế kỷ vắng bóng. Một cây lan Hải nhỏ nhắn, gọn gàng, cấu trúc thân lá không quá rườm rà, màu sắc hoa tự nhiên, không quá sặc sỡ, dễ dàng để trong nhà vì chịu khô giỏi, thích hợp với bóng râm và ánh sáng khuếch tán 100%... là đối tượng phù hợp để trang trí trên bàn làm việc, trên giá sách, trong những phòng nhỏ.

Chỉ trong một loài Hải tự nhiên cũng đã có nhiều dạng khác nhau về cấu trúc thân lá, đặc biệt là màu sắc của hoa... Do tính đa dạng này mà việc sưu

tập cho được một bộ lan Hải tự nhiên trở nên khó khăn và tốn kém. Hầu như việc sưu tập từ trước đến nay chỉ là ngẫu nhiên và may mắn lắm mới có được một cây Hải đặc sắc, khác thường.

Trong các loài Hải tự nhiên của Đà Lạt - Lâm Đồng, một số cây đã được dùng làm gốc lai tạo, cho ra những giống nhân tạo có giá trị cao như: *Paph. Aladin* (*Paph. Atlantis* x *Paph. delenatii*), *Paph. Deperle* (*Paph. primulinum* x *Delenatii*), *Paph. Vanda M. Pearman* (*Paph. delenatii* x *Bellatulum*), *Paph. Abas* (*Paph. Stonei* x *Villosum*), *Paph. Vacuna* (*Paph. rothchildnum* x *Villosum*), *Paph. Maudiae* (*Paph. callosum* x *Magnificum*)... với giá trị trên thị trường hoa quốc tế từ 40-50 USD/cây thành thực.

Cây lan *Paphiopedilum* ở Lâm Đồng - Đà Lạt có trữ lượng khá lớn. Tuy nhiên, trong thời gian qua, do việc chạy theo lợi nhuận, một số người kinh doanh lan đã làm mất đi khá nhiều nguồn tài nguyên này. Việc khai thác và bán ra thị trường nước ngoài khi chưa tìm hiểu thị trường đã làm thất thoát một nguồn thu đáng kể của Tỉnh. Giá một cây lan *Paph. delenatii* trên thị trường thế giới từ 50-60 USD trong khi đó chúng ta chỉ bán với giá 4 USD/kg (1kg = 60 cây, giá một cây chỉ khoảng 500 đồng Việt Nam) và đã bán đi hơn 3 tấn. Thiệt hại tính theo giá kinh doanh

phải ở mức hàng chục tỷ đồng. Mất mát lớn nhất là đã hủy hoại thiên nhiên và làm mất đi vốn gene quý giá của địa phương.

Một số nhà nghiên cứu khoa học ở Đà Lạt đã cố gắng thực hiện biện pháp thụ phấn nhân tạo để lấy hạt và gieo hạt lan trong ống nghiệm nhằm mục đích duy trì và phát triển nguồn tài nguyên này, đồng thời cũng lai tạo để tạo giống lan lai mới cho địa phương. Công việc này đã thành công ở bước đầu, nhưng để có thể trồng một lượng lớn các cây gieo hạt cũng như các cây lai để chọn lọc ra những cá thể đặc biệt, có ý nghĩa về mặt kinh tế cũng như khoa học, đòi hỏi phải có vốn đầu tư dài hạn, phải có một đội ngũ cán bộ chuyên môn và say mê với công việc thì mới thu hoạch được kết quả (đối với hoa lan, lai tạo và chọn lọc cho ra một giống mới phải mất từ 7 đến 10 năm). Trong khi đó, việc nuôi cấy mô các giống lan Hải quý vẫn còn là một thách thức lớn đối với các nhà chuyên môn trên thế giới.

Trong điều kiện hiện nay, chúng ta chưa đủ sức để thực hiện các chương trình nghiên cứu lai tạo để cho ra một giống lan Hải mới của Việt Nam thì điều quan trọng trước nhất là hãy giữ gìn những vốn gene quý, đừng vì lợi nhuận trước mắt mà đánh mất đi những gì thiên nhiên trao cho chúng ta và hậu thế.



NHỮNG CÂY HOA LÀM THUỐC

DS NGUYỄN THỌ BIÊN
Sở y tế Lâm Đồng

Hoa không những mang đến cho con người niềm vui trong cuộc sống còn có tác dụng dược lý.

1. CÂY ĐÀO

Tên khoa học : *Prunus persica*, Stokes
(*Amygdalus persica* Linn.)

Thuộc họ : Hoa Hồng (*Rosaceae*).

Cây đào có nguồn gốc từ nước Ba Tư và được trồng ở nhiều nước trên thế giới như Trung Quốc, Mông Cổ, Lào... vừa cho hoa đẹp vừa cho quả ăn. Ở Việt Nam nhiều nhất là Lào Cai, Yên Bái, Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hà Giang... Ở Lâm Đồng được trồng tại Đà Lạt.



Mô tả : Cây đào là loại cây nhỏ. Lá đơn, hình mác (hẹp đầu thuôn và nhọn) mọc so le, cuống ngắn, hoa màu hồng, gân như không cuống. Quả hạch hình cầu dẹt nhọn có một rạch nhỏ lõm vào chạy dọc theo quả. Ngoài vỏ quả có nhiều lông mịn. Quả chín màu nâu đỏ, hạt cứng trong có nhân.

-Bộ phận dùng : Quả, hạt, lá, hoa.

-Thành phần hoá học :

Phần thịt quả đào có chứa chất màu, 15% chất đường, các acid (citric, tartaric), vitamin C, một ít tinh dầu...

Hạt đào có chứa 50% dầu, 3,5% amygdalin, ít tinh dầu, men emulsin.

Lá đào có amygdalin, acid tannic, cumarin.

Hoa có chất kampfrol.

-Công dụng, liều dùng :

Đào nhân (nhân hạt đào) dùng chữa ho; hành huyết dùng làm thuốc điều kinh, nhuận táo, liều dùng 4-6g dạng thuốc sắc.

Lá đào thường được nấu nước dùng ngoài tắm ghè, lở, ngứa.

Hoa đào dùng làm thuốc thông tiểu tiện, tiêu thũng. Liều dùng 3-5g dưới dạng thuốc sắc. Đàn bà có thai không nên dùng.

2. HOA HỒNG

Tên khoa học : *Rosa chinensis*, Jacq.

Thuộc họ : Hoa Hồng (*Rosaceae*).

Cây hoa hồng mọc hoang và được trồng làm cảnh tình nào cũng có. Đà Lạt được trồng nhiều.



-Mô tả : Cây hoa hồng là loại cây thấp lùn, có gai cong, lá hình lông cánh chim, mỗi tàu có 3-5 lá nhỏ hình bầu dục. Hoa có năm cánh sắc hồng, quả đặc, hình trứng hoặc vắn ốc.

-Bộ phận dùng: hoa.

-Thành phần hoá học : Hoa có tinh dầu thơm.

-**Công dụng, liều dùng** : Hoa có tác dụng hoạt huyết, điều kinh. Chữa kinh nguyệt không đều, lúc hành kinh đau bụng. Liều dùng 3-5g dạng thuốc sắc.

Dắp ngoài (hoa giã nát) có tác dụng tiêu sưng tấy, đỡ đau.

3. HOA NHÀI

Tên khoa học: *Jasminum Sambac*, Ait.

Thuộc họ : Nhài (*Oleaceae*).

Tên khác : cây lài, nhài đơn, mặt lợi.

Cây nhài có nguồn gốc từ Ấn Độ. Hiện được trồng khắp nơi trong nước và tỉnh ta để dùng hoa ướp chè.



-**Mô tả**: Cây hoa nhài là loại cây bụi, nhỏ nhiều cành xòe ra. Cành non có lông mềm. Hoa tụ mọc ở đầu cành có ít hoa. Hoa sắc trắng có mùi thơm. Quả màu đen có hai ngăn hình cầu, quanh có đài phủ lên.

-**Bộ phận dùng** : Hoa, rễ.

-**Thành phần hoá học**: Trong hoa có chất béo thơm chừng 0,08%.

-**Công dụng, liều dùng** : Hoa dùng rửa mắt, chữa viêm màng kết mạc và màng mắt. Liều dùng 2-4g hoa khô.

Rễ độc nhưng có thể dùng giảm đau.

4. CÂY ĐÀI

Tên khoa học : *Plumeria obtusifolia*, L. (*P. acutifolia* Poir, *P. acuminata* Ait).

Thuộc họ: Trúc đào (*Apocynaceae*).



Tên khác: bông sứ, hoa sứ trắng, hoa sứ đỏ, hoa chàm pa (Lào), miên chi tử.

Cây dai có nguồn gốc Mê-hi-cô (châu Mỹ) được trồng làm cảnh quanh đền chùa, công viên. Trong nước ta, tỉnh ta nhiều nơi trồng.

-**Mô tả**: Cây nhỏ, cao khoảng 3-5m, cành nhánh dài, cong queo, xù xì, mập. Vỏ màu trắng xám xốp. Lá mọc so le, xếp sát nhau thành vòng ở ngọn cành. Hoa màu trắng, phía trung tâm có màu vàng, quả dài hình trụ.

-**Bộ phận dùng**: quả, hoa, lá, nhựa.

-**Thành phần hoá học**: Trong vỏ thân có glucosid là agoniadin $C_{10}H_{14}O_6$ có chất kháng sinh (funvoplumierin), trong nhựa cây có acid plumeric ($C_{10}H_{10}O_5$), từ rễ, lá có chất đắng là plumieric. Hoa có tinh dầu mùi thơm mát.

- **Công dụng, liều dùng**:

Vỏ thân và vỏ rễ có tác dụng tẩy mạnh, dùng trong trường hợp bị bệnh thũng nước. Liều dùng 5-10g vỏ.

Hoa dai dùng làm thuốc chữa ho, hạ huyết áp. Liều dùng 6-12g dưới dạng thuốc sắc.

Nhựa dùng như vỏ thân, còn dùng chữa chai chân và vết loét.

5. CÂY DỪA CẠN

Tên khoa học: *Catharanthus roseus*, L.

Thuộc họ: Trúc đào (*Apocynaceae*).

Tên khác: Hải đẳng, bông dứa, trường xuân



mang lông ngắn. Lá 5 cánh, phía cuống lá hình kim. Hoa lúc mới nở trắng hoặc đỏ nhạt, sau đổi dần ra màu đỏ sẫm. Quả hình tròn. Hạt có lông.

- Bộ phận dùng: Hoa, lá.

- Thành phần hóa học: Trong hoa phù dung có anthoxyanozit, lá có chất nhầy.

- Công dụng, liều dùng:

Lá tươi và hoa tươi được dùng giã đắp mụn nhọt đang mưng mủ và làm đỡ đau. Hoa còn dùng thông kinh hoạt huyết chữa phụ nữ khí hư, bạch đới.

hoa, dương giác.

Cây mọc hoang, được trồng làm cảnh tại vườn hoa, nhà riêng nhiều nơi trong tỉnh.

- Mô tả: Cây nhỏ cao chừng 0,40-0,80m, mọc thành bụi dầy, lá mọc đối, dạng bầu dục thuôn hẹp ở gốc, có cuống ngắn. Hoa trắng hoặc hồng, mọc riêng ở các kẽ lá phía trên. Quả gồm 2 đại, nhiều hạt đen, nhỏ.

- Bộ phận dùng: toàn thân.

- Thành phần hoá học:

Trong dưa can có những alcaloid hạ huyết áp như những alcaloid trong cây ba gác Ấn Độ (*Rauwolfia serpentina*).

- Công dụng và liều dùng: Cây dưa can đang được nghiên cứu chữa bệnh cao huyết áp và bệnh bạch huyết.

Nhân dân dùng lá phơi khô sắc uống để thông tiểu tiện, chữa bệnh di tiểu đỏ, ít và làm thuốc điều hòa kinh nguyệt, chữa ly. Ở Nam Phi còn dùng chữa bệnh dái đường.

6. CÂY PHÙ DUNG

Tên khoa học: *Hibiscus mutabilis*, L.

Thuộc họ: Bông (*Malvaceae*).

Tên khác: Mộc liên, địa phù dung.

Cây phù dung được trồng từ các nước Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ... Ở nước ta, tỉnh ta cây được trồng làm cảnh nhiều nơi.

- Mô tả: Loại cây cao khoảng 5m, có cành



7. CÂY MÀO GÀ

Tên khoa học: *Celosia cristata*, L.

Thuộc họ: Dền (*Amaranthaceae*).



Tên khác: kê quan hoa, kê đầu.

Cây mào gà được trồng nhiều nơi.

- **Mô tả:** Loại cỏ sống lâu năm, thân đứng cao từ 60 - 90cm hoặc hơn. Thân cây gần ngọn thì đẹp, lá có cuống hình mũi mác. Hoa đỏ vàng hoặc trắng hình như mào gà. Quả hình trụ hay hình cầu.

- **Bộ phận dùng:** Hạt, hoa.

- **Thành phần hoá học:** Hạt có chất dầu, trong dầu chủ yếu là celosiaol.

- **Công dụng, liều dùng:** Hoa và hạt làm thuốc thu liễm. Có công dụng cầm huyết, chữa nôt trí ra huyết, thổ huyết, đổ máu cam, ỉn ra máu. Liều dùng: Hoa mào gà đỏ khô 10g (tươi 25 - 30g) sấy khô tán nhỏ dùng trong ngày. Mỗi lần uống 1 - 2g.

8. HOA TÂM XUÂN

Tên khoa học: *Rosa multiflora*, Thumb.

Thuộc họ: Hoa Hồng (*Rosaceae*).

Tên khác: Dã tường vi.

Cây hoa tâm xuân mọc hoang và được trồng ở vườn hoa, bờ rào.



- **Mô tả:** Loại cây râm nhỏ. Cao độ 2m. Cành nhiều gai, lá hình lông chim. Hoa 5 cánh sắc đỏ hoặc trắng, có mùi thơm. Quả gầy.

- **Bộ phận dùng:** Hoa, quả.

- **Thành phần hóa học:** Quả có chất keo, nhiều sinh tố C, P. Hoa có tinh dầu thơm.

- **Công dụng, liều dùng:** Hạt dùng chữa phong thấp, lợi tiểu, ngày dùng 2 - 4g.

Hoa chế lấy tinh dầu thơm.

9. KIM NGÂN

Tên khoa học: *Lonicera japonica*, Thumb.

Thuộc họ: Cỏ cháy (*Caprifoliaceae*).

Tên khác: Nhãn đông.

Cây kim ngân mọc hoang tại nhiều vùng rừng núi nước ta. Hiện nay đã được trồng lấy hoa và cành lá làm thuốc. Ở Đà Lạt có trồng.



- **Mô tả:** Kim ngân là loại dây leo quanh, thân có thể vươn dài đến 10m. Toàn cây có lông mềm. Lá mọc đối, đôi khi mọc vòng 3 lá một. Nách lá nở hoa rất thơm, hoa mới nở trắng rồi dần tím, sau biến ra vàng, cho nên gọi là kim ngân hoa. Quả tròn sặc đen.

- **Bộ phận dùng:** Hoa (kim ngân hoa), lá và dây (nhãn đông đang).

- **Thành phần hóa học:** Trong kim ngân có chất inosite, luteolin và chất chất saponozit.

- **Công dụng, liều dùng:** Hoa kim ngân có tác dụng kháng sinh, được dùng chữa mụn nhọt, lên đậu, lên sởi, giải độc. Dây kim ngân chuyên chữa ung nhọt, lở ghé.

Ngày dùng: 4 - 6g hoa hoặc 10 - 12g cành lá sấy dưới dạng thuốc sắc.

10. HOA HIÊN

Tên khoa học: *Hemerocallis fulva*, L.

Thuộc họ: Hoa hiên (*Hemerocallidaceae*).

Tên khác: Hoang hoa, kim trâm thái, lê lô, huyền thảo, lộc thông, kim châm.

Hoa hiên mọc hoang tại Trung Quốc, Nhật Bản. Ở nước ta, hoa hiên mọc hoang và được trồng nhiều nơi. Đà Lạt, Đức Trọng, Di Linh... đều có.

- **Mô tả:** Loại thảo lâu năm, lá dài dờ 50cm, trên mặt có nhiều mạch, thân rễ ngắn, có rễ mầm nhưng nhỏ. Cuống hoa dài 80 - 100cm, đầu cuống chẻ hai có 6 - 12 hoa. Hoa sắc đỏ hoặc đỏ vàng không thơm.

- **Bộ phận dùng:** củ và lá, hoa.

- **Thành phần hóa học:** Đã chiết được từ rễ hoa hiên 3 chất có tính thể độ chảy 165 - 167°C.

- **Công dụng, liều dùng:** Hoa hiên có vị ngọt, tính mát, thường dùng làm thuốc lợi tiểu, giảm đau, chữa sốt, đỏ máu cam. Ngày dùng 6 - 12g dưới dạng thuốc sắc. Lá rễ giã dập trị sưng vú.



GIÁ TRỊ CỦA CHÈ...

(Tiếp theo trang 6)

* Nước dùng đun sôi để pha trà phải là nước tinh khiết, không có bất kỳ mùi lạ nào, không được chứa nhiều muối khoáng. Kinh nghiệm cho thấy màu nước chè hãm và tinh chất của chè thay đổi theo hàm lượng muối khoáng trong nước dùng pha trà:

- Nước có chứa muối sắt thì màu nước hãm trà sẽ bị đen do có sự kết hợp giữa tannin và sắt.

- Nước có nhiều muối kali hoặc oxyt magnê thì màu nước hãm trà nhạt đi...

Cho nên muốn pha trà được ngon, người ta thường dùng nước mưa hoặc nước giếng. Nước giếng cũng có "giếng ngon" hoặc "giếng dở" tùy theo nước đã lọc kỹ qua cát hay không và có chứa muối khoáng ít hay nhiều. Nước dùng để pha trà phải được đun thật sôi, nước reo trong ấm thật lâu, phải đổ bớt chút nước ở vòi ấm trước khi chế vào bình trà để tránh mùi khói vương lại ở đầu vòi ấm.

* **Hãm trà:** Trước khi bỏ chè vào bình trà, phải tráng bình bằng nước sôi, bỏ chè vào bình xong thì chế nước sôi khoảng một phần bình, lắc lắc bình cho nước thấm ướt mặt ngoài của trà rồi rót ra chén. Nước này gọi là nước rửa trà, dùng để tráng sạch các chén rồi đổ đi. Sau đó chế nước sôi vào dây bình để hãm. Khi thấy nước trà có màu và hương đậm đà dùng khẩu vị thì rót ra. Tuần trà thứ nhất chỉ rót ra một nửa hoặc 3/4 bình rồi thêm nước sôi để hãm lần

2... và cứ thế mà tiếp tục pha.

Trong việc tiếp nước, dùng theo phép lịch sự thì người cao niên hoặc có địa vị nhất được rót sau cùng... vì nước càng rót sau càng đậm đà hương vị.

Uống trà phải hợp từng ngụm nhỏ, chép miệng nuốt từ từ để lưỡi nhận ra hương vị độc đáo của trà...

*

Mùa lạnh đã trở về với Đà Lạt. Buổi sáng, ngồi trong thư phòng ấm cúng, nhìn ánh lửa hồng từ lò sưởi chiếu ra đang lung linh nhảy múa trên những cánh mai anh đào vừa nở hoa mỏng mỏng, bên tách trà hương thơm ngát, hơi nước màu lam nhạt bốc lên uốn lượn trong không gian điệp màu với sương mù bàng bạc đang bao phủ núi đồi bên ngoài khung cửa sổ... lúc đó thấy việc uống trà đạt được khoái cảm tột độ và tách trà có giá trị hơn lên. Nếu uống trà ướp sen hoặc ướp sỏi với đường phèn thì lại càng tuyệt diệu.

Đ

HOA ĐÀ LẠT

KS NGUYỄN HỮU TRANH
Sở khoa học, công nghệ
và môi trường Lâm Đồng

Nằm trong vùng châu Á gió mùa (giữa 11°52' và 12°04' độ vĩ Bắc), Đà Lạt ở trên độ cao từ 1.100m (chân đèo Prenn) đến 1.597m (Cầu Đất) nên có một chế độ nhiệt ôn hòa, dịu mát quanh năm.

Nhiệt độ trung bình năm: 17,9°C, số ngày mưa: 178, lượng mưa: 1.576 mm, số giờ nắng: 2.315, độ ẩm tương đối trung bình: 85%.

Vào tháng 1 - tháng lạnh nhất - nhiệt độ trung bình: 15,8°C, nhiệt độ tối thấp tuyệt đối: 5,1°C, số ngày mưa: 1, lượng mưa: 6mm, số giờ nắng: 2.667, độ ẩm tương đối trung bình: 80%.

Vào tháng 5 - tháng nóng nhất - nhiệt độ trung bình: 19,4°C, nhiệt độ tối cao tuyệt đối: 27,6°C, số ngày mưa: 19, lượng mưa: 176mm, số giờ nắng: 198, độ ẩm tương đối trung bình: 87%.

Ở thành phố Hồ Chí Minh, vào tháng 1, nhiệt độ trung bình: 25,8°C, lượng mưa: 15mm; vào tháng 5, nhiệt độ trung bình: 28,1°C, lượng mưa: 223mm.

Ở Paris, tháng lạnh nhất cũng là tháng 1 (nhiệt độ trung bình: 3,4°C), tháng nóng nhất là tháng 7 (nhiệt độ trung bình: 19,1°C).

Ở Marseille, vào tháng 1, nhiệt độ trung bình: 5,5°C, tháng 7, nhiệt độ trung bình: 23,3°C [2.600].

Theo các bản đồ thổ nhưỡng xuất bản trước năm 1975, phần lớn đất đai ở Đà Lạt thuộc nhóm đất podzolic vàng đỏ; vùng Cam Ly, Xuân Thọ, Cầu Đất... có loại đất latosol nâu đỏ do nham thạch tan rã.

Theo bảng phân loại mới, hai nhóm đất chính ở Đà Lạt là:

- đất feralit đỏ vàng (38.766 ha);
- đất mùn vàng đỏ trên núi (1.642 ha).

Các nhóm đất khác (phù sa, đất lầy, bồi tụ) chiếm diện tích không đáng kể [1,24].

Điều kiện khí hậu đất đai kể trên đã tạo Đà Lạt thành đất lành cho bốn mùa hoa nở: hoa rừng, hoa dại, hoa phương Đông, hoa phương Tây.

1. HOA RỪNG

Dưới rừng thông, trong những khu rừng hỗn giao ven các dòng suối mọc những đóa hoa rừng. Ngoài các loài hoa lan, Đà Lạt còn có hoa mai anh đào, đỗ quyên, bướm bạc, trinh nữ, trường lệ, muống vàng v.v...

1.1 MAI ANH ĐÀO

Hàng năm, vào cuối tháng 12 và tháng 1 dương lịch, trước Tết và thính thoảng có năm vào dịp Tết, trời lạnh hơn bao giờ hết, hoa mai anh đào nở rộ mang đến cho người Đà Lạt và du khách một tín hiệu mới: một năm mới sắp trở về!

Cây mai anh đào nở trong vòng một tháng rồi tàn. Sau khi hoa tàn, cây ra lá xanh và vào tháng 3-4, trên cành cây nẩy trĩu những chùm trái mai anh đào tím đỏ. Vào mùa thu, cây mai anh đào trút lá và sau đó hibern vào thời kỳ nghỉ đông. Trên cây chỉ còn trở lại những cành mai anh đào khẳng khiu. Mãi đến khi trời lạnh, cây mai anh đào như nẩy công chúa ngủ trong rừng thức dậy, khoe màu áo mới của mùa hoa.

Cây mai anh đào Đà Lạt khác anh đào Nhật Bản. Năm 1964 Đà Lạt đã trồng nhiều cây hoa anh đào Nhật Bản ven hồ Xuân Hương nhưng vì nhiệt độ Đà Lạt còn cao, ẩm độ còn thấp, sương mù ít, cây hoa anh đào mang từ Nhật Bản sang không sống nổi.

Trong tác phẩm *Cây con lên Nam Việt Nam* xuất bản năm 1950, Giáo sư Phạm Hoàng Hộ ghi tên khoa học của cây mai anh đào (merisier, wild cherry-tree) là *Cerasus sp.*, nhưng trong lần xuất bản sau (1970), cây mai anh đào mang tên *Prunus cerasoides*. Cây mai anh đào mang hình dáng giống cây đào (*Prunus*) nhưng có hoa đơn, 5 cánh, màu hồng phai giống như hoa mai (*Cerasus*).

1.2 ĐỖ QUYÊN

Cây đỗ quyên (*Azalea japonica*, họ *Ericaceae*) cao 1m. Hoa có 5 cánh dài màu hồng ở đầu cành, giống đầu tiên được lấy từ núi Lang Biang.

Theo một số tư liệu, trong y dược, hoa đỗ quyên được dùng để làm thuốc mê, với liều lượng ít thì giảm đau và trấn tĩnh; trong nông nghiệp, hoa đỗ quyên được dùng làm thuốc trừ sâu.

2. HOA DẠI

Trên những ngọn đồi hay khoảng đất trống, ven đường đi, hàng rào... mọc những cánh hoa dại. Có nhiều loại hoa đẹp, có loài hoa tuy không hương sắc nhưng có tác dụng dược lý: mắt nai, him him, cúc nút áo, bồ công anh... Một số loài hoa trước đây được trồng trong các biệt thự, nhưng do phát triển quá nhanh, dễ dàng nhân giống vô tính bằng phương pháp giâm cành, hoa đã trở thành hoa dại.

2.1 CÚC QÙY

Hàng năm, khi những cơn mưa cuối mùa sắp chấm dứt, trời trở lạnh, mùa khô đến, hoa cúc quỳ nở vàng rực trên sườn đồi, xung quanh nhiều ngôi

nhà.

Cây cúc quỳ (*Tithonia diversifolia* hay *Chrozophora tinctoria*, họ *Compositae*) còn gọi là quỳ dại, hoa quỳ vàng.

Cây mọc rất nhanh. Lợi dụng đặc tính sinh học này, người Đà Lạt đã trồng cây cúc quỳ làm hàng rào, lấy thân, lá lột chùng để làm phân hữu cơ hay phân xanh.

Cây cúc quỳ cao từ 1 đến 2m. Hoa có đường kính khoảng 10cm và nở trong hai tháng. Sau đó, trong gần suốt một năm, phần lớn cây cúc quỳ chỉ mang một màu xanh cây lá.

Ở Hòa Lan, người ta chiết xuất từ hoa cúc quỳ một loại thuốc nhuộm đỏ nhuộm fromage và đồ hộp.

2.2 HOA BÁO VŨ

Ở Đà Lạt, hoa báo vũ (*Colchique: Colchicum autumnale*, họ *Colchicaceae*) nở báo hiệu mùa mưa đến.

Hoà báo vũ còn gọi là huệ đất vì hoa giống như hoa huệ nhưng nở gần mặt đất.

Cây hoa báo vũ không có thân, lá, chỉ có cuống hoa dài 20cm và hoa. Cánh hoa dài 5 cm, màu tím lợt. Hoa mau tàn, nhanh chóng biến mất khỏi mặt đất.

Hoa và nhất là thân hành có chứa một chất hăng, có thể dùng làm thuốc độc. Do đó, trâu bò thường tránh xa những vùng có hoa báo vũ.

2.3 CÚC NÚT ÁO

Ven các mương âm thấp, nhiều con đường

trong thành phố, người di dưỡng thấy một loài hoa màu vàng có hình giống như chiếc nút áo dài ngày xưa. Đó là cúc nút áo (*Spilanthus acmella*, họ *Compositae*) còn gọi là đơn kim, quỳ trăm thảo, manh tràng thảo, tử tô hoàng.

Cúc nút áo chứa một tinh dầu gồm một chất terpen gọi là spilanthen và một chất rượu - spilanthol - rất công hiệu khi chữa nhức răng.

2.4 BỒ CÔNG ANH

Hoa màu vàng, giống như hoa cúc nhưng nhỏ xiu (đường kính 2cm). Cuống hoa dài 30cm. Bề quả có lông màu trắng xếp thành hình cầu. Nếu ngắt cuống hoa và thổi nhẹ vào bề quả, những sợi tơ trắng nhỏ sẽ bay ra và cuốn theo chiều gió.

Bồ công anh (*Taraxacum mongolicum*, họ *Compositae*) còn gọi là nha sư (dent de lion: răng sư tử) vì lá giống hình răng con sư tử.

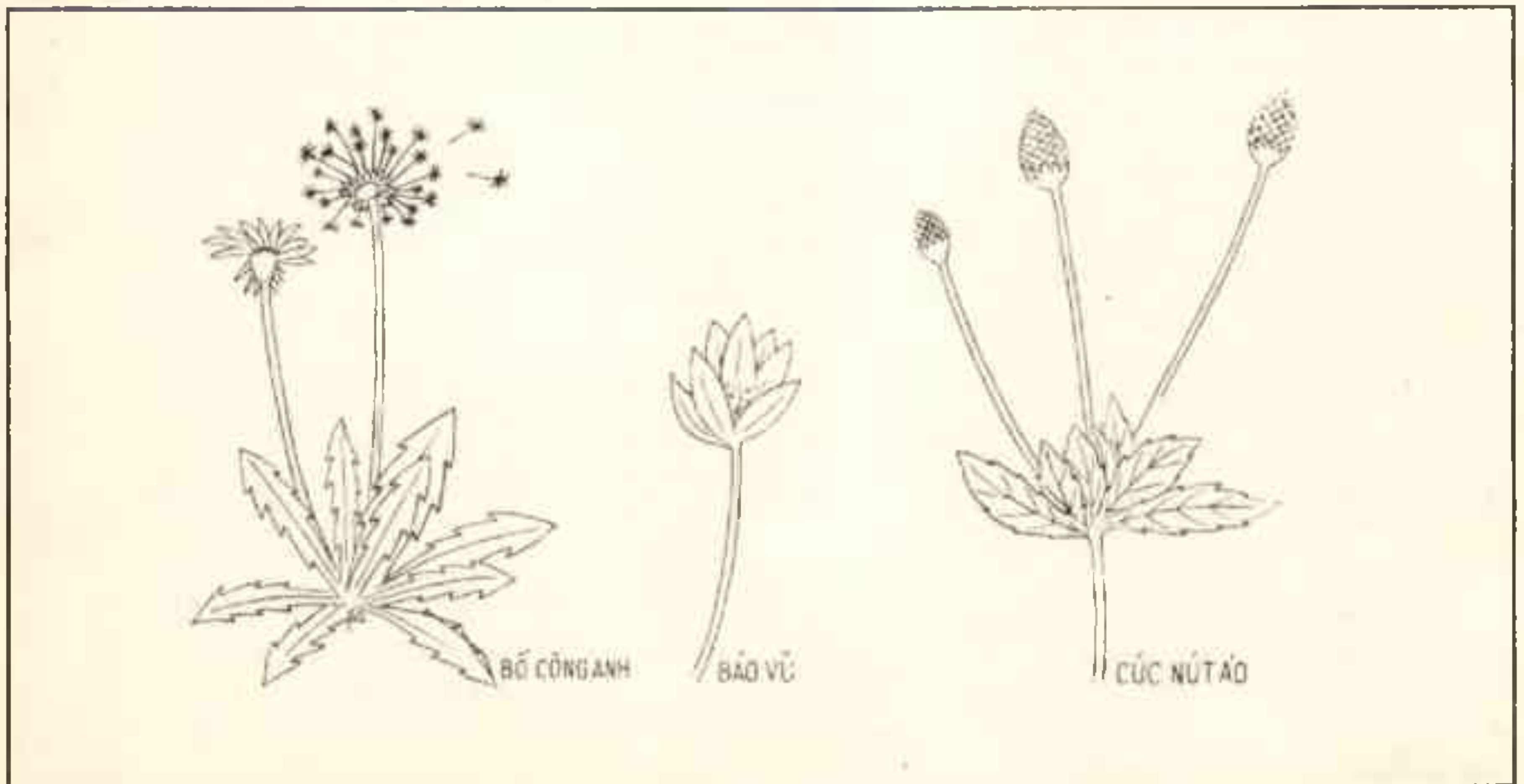
Rễ và cây bồ công anh được dùng làm thuốc xổ nhẹ, giải độc, chữa nhọt. Người Âu dùng lá và rễ bồ công anh làm thuốc bổ, tẩy và lọc máu, ăn lá bồ công anh với xà lách.

3. HOA PHƯỢNG ĐÔNG

Đà Lạt là một thành phố mới xây dựng từ những năm đầu của thế kỷ XX. Người Đà Lạt là người dân tứ xứ, bốn phương họp mặt.

Năm 1938, những người dân làng Ngọc Hà, Quảng Bá, Nghi Tâm, Tây Thu, Xuân Thao, Văn Phúc tỉnh Hà Đông đã vào Đà Lạt lập nên ấp Hà Đông.

Năm 1940, người Nghệ Tĩnh lập ấp Nghệ



Tỉnh.

Tại các phường trong thành phố Đà Lạt còn có rất đông người quê quán ở Hà Nội, Sài Gòn, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam - Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định, Ninh Thuận...

Những người Bắc, Trung, Nam này đã mang từ quê hương những loài hoa ở vùng đồng bằng lên trồng ở miền núi.

Tại các vườn hoa trong thành phố, nhà ở tư nhân, sân chùa... du khách có thể nhìn thấy màu hồng của hoa đào, tường vi, hoa hồng, màu tím của hoa cúc Nhật Bản, Ngọc Hân, màu vàng của hoa cúc, hoa thiên lý, màu đỏ của râm bụt, của "lúa lựu lập lòe", màu trắng của hoa huệ, hoa sứ, nhất chi mai... Về đêm, du khách có thể thưởng thức hương thơm dịu dàng của hoa dạ lan.

3.1 HOA TRÀ MI

Ở Đà Lạt, hoa trà mi (*Camellia japonica*, họ *Theaceae*) có 2 giống mang 2 màu khác nhau, trái g và đỏ. Cánh hoa rất mảnh khảnh. Hoa kép, giống như hoa chè. So với các loài hoa khác, hoa trà mi không đẹp lắm nhưng được biết đến nhiều qua các câu thơ trong truyện Kiều:

"Tiếc thay một đoá trà mi,

Con ong đã to đường đi, lồi vè!"

"Chim hôm thoi thóp về rừng,

Đoá trà mi đã ngậm trong nửa vành."

và tên một quyển tiểu thuyết nổi tiếng của Alexandre Dumas con: *Trà hoa nữ* (*La dame aux camélias*).

3.2 HOA THIÊN LÝ

Cây hoa thiên lý có 3 tên khoa học khác nhau:

- *Telosma cordata*, Merri;

- *Pergularia minor*, André;

- *Pergularia odoratissima*, Sm.

và thuộc họ *Asclepiadaceae*.

Cây hoa thiên lý là một loại dây leo. Hoa mọc thành chùm màu vàng, có hương thơm dịu dịu.

Nhân dân ta thường nấu canh hoa và lá thiên lý non để ăn cho mát và bổ.

3.3 HOA SỨ

Cây sứ (*Michelia champaca* L. họ *Magnoliaceae*) còn gọi là cây đại, người Lào gọi hoa sứ là hoa chàm-pa.

Hoa mọc cô độc ở chót nhánh nhỏ hay ở nách, nở quanh năm. Cánh hoa màu trắng hay hồng chứa một tinh dầu có mùi thơm dịu dàng, dùng làm thuốc chữa ho, hạ huyết áp.

3.4. HOA DẠ LAN

Cây hoa dạ lan (*Cestrum nocturnum* Murr., họ *Solanaceae*) còn gọi là dạ lan hương hay dạ lý hương.

Hoa màu trắng toa một mùi thơm dịu dàng, dễ chịu về đêm.

Điều kiện khí hậu, không khí trong lành và không gian yên tĩnh kích thích đỉnh biến dưỡng, nụ hoa hấp thu nước mạnh làm cho những chất thơm - thường là các tinh dầu - bay hơi và tỏa hương thơm mát.

4. HOA PHƯỢNG TÂY

Từ năm 1898, Trạm thực nghiệm nông nghiệp đã bắt đầu trồng một số loài hoa phượng Tây ở Dãng Kia.

Trong những năm đầu thế kỷ XX, Đà Lạt chỉ có vài người Pháp sinh sống nhưng đến năm 1914, Đà Lạt đã có 1.130 người Pháp, 1.118 học sinh Pháp.

Người Pháp ở Đà Lạt cũng là người tứ xứ, từ vùng Normandie đến đảo Corse, từ Paris đến Marseille, từ những ngọn đồi vùng Artois đến dãy núi Pyrénées. Họ mang đến Đà Lạt những giống hoa từ quê hương họ; do đó, hoa của nhiều vùng nước Pháp có mặt ở Đà Lạt.

Nhiều người Việt Nam có dịp ra nước ngoài đã mua hạt giống, mầm hoa mang về Đà Lạt. Trong những năm gần đây, một số người Đà Lạt sống xa Tổ quốc cũng đã gửi về nhiều hạt giống hoa mới, làm phong phú thêm bộ sưu tập hoa Đà Lạt.

Mãi đến ngày nay, nhiều loại hoa vẫn mang tên gọi như từ khi mới đến Đà Lạt: mimosa, marguerite, lys, glaieul, agapans, gerbera, coquelicot... Một số loài hoa mang 2,3 tên gọi khác nhau: hortensia (cắm tú cầu), pensée (tư tưởng, hoa học trò), oeillet (cắm chướng), cosmos (bướm bướm), violette (hoa tím), immortelle (bất tử, hoa giấy), arum (cuốn kèn)... Mặc dù có nguồn gốc từ Bắc Mỹ, Mexico, châu Mỹ la tinh, châu Phi, châu Âu, một số loài hoa mang tên hoàn toàn Việt Nam: hoàng anh (verge d'or), thược dược (dahlia), thu hải dương (Begonia Rex), dạ hợp (magnolia), môm sối (gacule-de-loup), lông đèn hay hoa dăng (Fuchsia), phong lữ (géranium), xiếc pháo (sauge éclatante), sen đá (joubarbe des toits), sen cạn (capucine)...

4.1 HOA PHƯỢNG TÍM

Đà Lạt không có phượng vĩ (*Poinciana regia*) với những bông hoa đỏ rực rỡ mang tin hiệu của mùa thi, tuy nhiên Đà Lạt có một loài hoa có cây cao như cây phượng, lá giống như lá phượng vĩ nhưng hoa màu

tim nhạt có hình giống như chiếc chuông; hoa phượng tim.

Cây hoa phượng tim (*Jacaranda mimosaeifolia* họ *Bignoniaceae*) còn gọi là phượng xanh lá hay hoa chuông xanh, có nguồn gốc từ vùng Trung Cận Đông.

Hằng năm, từ tháng 11 đến tháng 4, hoa phượng tím trở bông ven đường vào chợ Đà Lạt, vườn hoa Bích Câu, nhà Thủy Tạ.

4.2 HOA MI - MÔ - DA

Từ lâu, hoa mi-mô-da ở Đà Lạt đã được ca ngợi, nhưng từ ngày nhạc sĩ Trần Kiết Tường sáng tác bài hát *Mimosa* thì du khách đến Đà Lạt tìm xem hoa mi-mô-da ngày càng nhiều hơn.

Cây hoa mi-mô-da là một giống cây keo (*Acacia podalyriacifolia*, họ *Mimosaceae*) có hoa hình cầu giống hoa trinh nữ (*Mimosapudica*, L. nên còn gọi là trinh nữ hoa vàng).

Cây mi-mô-da cao khoảng 5m. Hoa màu vàng nở từng đợt quanh năm, nhưng nhiều nhất vào mùa khô. Không giống như lá nhiều loại cây khác, lá mi-mô-da màu xanh lam, dài hay tròn tùy giống.

Hoa mi-mô-da tượng trưng cho sự an toàn.

4.3 HOA THỦY CHUNG

Cây hoa thủy chung (*lobeliaerinus*, L., họ *Lobeliaceae*) còn gọi là dôm dôm tím, lưu ly hay lỗ bì. Cây cao 30 - 50cm. Hoa nhỏ (đường kính 2cm) có 5 cánh màu tím, nhụy vàng ở giữa, giống hình con búp bê.

Ngài hoa thủy chung màu tím, ở Đà Lạt, còn có một giống hoa thủy chung màu trắng, hiếm thấy.

Nhiều người gọi hoa thủy chung là Forget-me-not.

Theo một truyền thuyết Đức, ngày kia, một đôi tình nhân dạo chơi ven dòng sông Du-nai (Danube). Nhìn thấy một đóa hoa màu thiên thanh trôi dạt dờ trên sông nước, cô gái bảo chàng trai nhặt chiếc hoa. Chàng trai nhảy xuống nước, nhặt được đóa hoa, nhưng bị nước cuốn trôi. Trước khi chìm hẳn xuống dưới mặt nước, chàng trai ném đóa hoa vào bờ cho cô gái và thốt lên: "Forget me not!" (Đừng quên anh!)

Hoa Forget-me-not (*Myosotis* sp., họ *Boraginaceae*) là một loài hoa nhỏ màu xanh da trời. Cánh hoa nhỏ, tròn, dài, có hình giống tai con chuột (Theo tiếng Hy Lạp, *Myosotis* có nghĩa là tai con chuột).

Ở Đà Lạt, hoa forget-me-not đã mất giống.

4.4 HOA TƯ TƯỢNG

Hoa tư tượng (*Pensée: Viola tricolor*, L., họ

Violaceae) còn gọi là hoa păng-xê, "hoa học trò" vì hoa đẹp, cánh mỏng, các em học sinh thường ép hoa trong sách tặng nhau hay kính tặng các thầy cô giáo, dán trên những trang lưu bút vào dịp chia tay trước khi nghỉ hè.

Hoa có nhiều màu sắc sỡ: trắng, vàng, tím, đen...

Hoa tư tượng ám chỉ: tư tượng lúc nào cũng nghĩ đến nhau.

Người Âu thường trồng hoa tư tượng trên mộ để tưởng nhớ đến người đã khuất.

TƯ LIÊU THAM KHẢO CHÍNH

1. Đà Lạt, thành phố cao nguyên, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt và Nha xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản, 1993.

2. Đỗ Tất Lợi, *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Nxb. Khoa học và kỹ thuật, H., 1981.

3. Dominique et Michel Fremy, *Quid*, Editions Robert Laffont, Paris, 1993.

4. P. et S. Jovet, P. Lowemmo, *Fleurs de jardin*, Fernand Nathan.

5. *Compton's encyclopedia*, F.E. Compton Co., Chicago, 1969.

6. *Encyclopedia britannica*, U.S.A., 1971.



THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

NAM CHÂM TRONG SUỐT

KHKT KTTG, 1993, số 42

Trung tâm nghiên cứu thuộc Hiệp hội Xerox (Mỹ) đã tạo được những tinh thể gamma oxit sắt nhỏ đặc biệt. Mấy chục năm nay nó đã được dùng để phủ lên các băng từ, các đĩa ghi âm thanh và bộ nhớ của máy tính điện tử. Kích thước các tinh thể trong suốt này khoảng từ 2 đến 10 nanomet (1 phần triệu mm) nhỏ hơn sợi tóc khoảng 10 000 lần. Ở dạng tinh thể cực kỳ bé nhỏ này, oxit sắt từ sát tu trở thành chất cực kỳ thuận từ, có nghĩa là các tinh thể nhỏ bị nam châm hút chứ chúng không hút nhau. Kích thước đặc biệt nhỏ của các tinh thể cho phép tăng đáng kể chất lượng ghi âm và ghi hình. Có khả năng các kỹ sư sẽ tìm cách sử dụng được cả hiệu ứng phụ của lớp phủ nam châm này nhờ đó trong suốt của nó.

(Khoa học kỹ thuật, kinh tế thế giới, 1993, số 42)

TÁC HẠI CỦA TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ

Ủy ban bảo vệ an toàn cho người tiêu dùng Pháp đã nghiên cứu 30 ca đồng kinh và tuyên bố một nghị định đăng trên công báo Pháp ngày 3.8.1993. Nghị định này buộc các nhà sản xuất băng trò chơi điện tử phải ghi chú bên ngoài hộp băng cầu không nên chơi trong trường hợp thiếu ngủ, mệt mỏi, mỗi giờ phải nghỉ từ 10 đến 15 phút.

Sự Giải phóng, 1993, số 135

MÁY TÍNH SẢN XUẤT PHIM

Vào năm 1994, bộ phim dài đầu tiên bằng hình ảnh lồng hộp ba chiều sẽ xuất hiện trong các rạp chiếu phim. Phim này được phóng tác theo tiểu thuyết khoa học giả tưởng "Hai mươi ngàn dặm dưới đáy biển" của nhà văn Jules Verne. Thay vì quay ngoại cảnh phim như các phim bình thường, đạo diễn sẽ sáng tạo hình ảnh phim bằng máy tính.

Để sáng tạo hình ảnh diễn viên biền diễn tả đồng tác cảm xúc chủ không cứng đờ như người máy, đạo diễn Didier Pourcel đặt nhiều bộ cảm biến trên miệng, mắt, trán... của nam diễn viên Richard Bohringer (đóng vai thuyền trưởng Nemo), ra hiệu cho diễn viên cười, nhíu mày... Sau đó, hệ thống máy quay phim nối mạng với máy tính sẽ ghi vào bộ nhớ những động tác ấy và kết hợp với máy Scanner phục hiện lại gương mặt diễn viên ấy trên màn ảnh.

SGGP, 1993, số 135

GIẤY KHÔNG CHÁY

Nhật Bản vừa sản xuất một loại giấy đặc biệt. Nguyên liệu chính gồm tro núi lửa và đá vôi. Loại giấy "khoáng" này bị đốt tới 300 độ C mà vẫn không cháy. Nó có thể được dùng làm vật liệu cách nhiệt, giấy gói thức ăn chế biến sẵn nấu trong lò cao tần.

KEO CHEWING GUM Ở THỜI ĐỒ ĐÁ

Nhà khảo cổ học Thụy Điển Bengt Nordquist đã tìm thấy miếng chewing gum (keo cao su) cổ xưa nhất thế giới đó là một mảnh nhựa cây bu lô, cách đây 9 000 năm, còn mang những vết răng của người nhai. Nghiên cứu vết răng, người ta biết đó là một người đàn ông trẻ.

Khoa học phổ thông, 1993, số 561

GEN DIỆT NẤM

Các bệnh nấm hại cây cối thường hủy diệt tới 1/4 mùa màng. Đặc biệt chúng phổ biến vào những năm mưa nhiều. Do đó các nhà sản xuất sản phẩm nông nghiệp buộc phải tìm đến thuốc trừ sâu - chất độc hóa học diệt nấm ký sinh. Nhưng tình hình sinh thái không được cải thiện hơn và sản phẩm vẫn bị nhiễm chất độc.

Trong khi đó kho tàng thiên nhiên có rất nhiều thuốc trừ sâu tự nhiên, chẳng hạn cảnh nhơ lỏng hộp được chất resveratrol có tác dụng diệt nhiều loại nấm ở cây nho.

Các chuyên gia ở hãng hóa chất nổi tiếng của Đức "Bayer" đã tách từ cảnh nhơ gen Resveratrol và đưa chúng vào cà, dâu, cây thuốc lá. Kết quả là những loại cây này không bị các bệnh nấm đe dọa nữa. Điều thú vị là gen này bình thường thì "ngủ" và chỉ hoạt động khi các sợi nấm bắt đầu phát triển trên cây. Thuốc diệt nấm lách lủ cây nho có tác dụng hơn đối với các loại cây khác vì những nấm hại các loại cây này còn lạ với chất này.

KHKT KTTG, 1993, số 47

GEN KHÁNG BỆNH CHO CÂY CÀ CHUA

Các nhà khoa học đã tách được một loại gen kháng bệnh có trong một loại cà chua. Sau đó họ đã cho nhân dòng (clone) loại gen này và cấy chúng vào những loại cà chua thiếu loại gen kháng bệnh đó. Loại gen được nhân dòng này đã truyền tín hiệu kích thích hệ miễn nhiễm của cây cà chua ngăn chặn sự xâm nhập của các vi khuẩn gây ra chứng bệnh thối lã (speck). Các nhà khoa học tiên đoán rằng với những tiên hỏ tương tự nghiên cứu tiên những cây trồng khác sẽ giúp ích rất nhiều cho nhà nông trong việc giảm nhu cầu sử dụng thuốc trừ sâu vào cuối thế kỷ này.

KHPT, 1993, số 561

DƯỢC ĐIỂN BỔ TỬ

Tại Pháp mới phát hành loại cảm nang điện tử bổ tử dành cho các bác sĩ. Số điện tử có kích thước bằng máy tính bổ tử chưa thông tin về 3 000 loại thuốc, các chỉ dẫn, chống chỉ định, liều lượng, tính chất, đặc tính, tác dụng hỗ tương với các dược phẩm khác. Nơi cách khác gồm tất cả những gì trong một cuốn cảm nang dược học uyên bác. Các số liệu được ghi trong các vi mạch. Vi mạch này dễ

dàng lấy ra và thay thế cái mới. Sơ đồ vi mạch mới với danh sách mới các tên thuốc và các thông tin chính xác về các loại thuốc cũ sẽ được xuất bản hàng năm.

KHKT KTTG, 1993, số 42

LOẠI GIẤY ĐỘC ĐÁO

Tạp chí Anh "Spectrum" thông báo rằng, chỉ cần một tờ giấy lọc đặc biệt là có thể chẩn đoán được nhiều loại tình trạng sức khỏe, từ việc đo mức cholesterol đến thử nghiệm HIV. Dụng cụ này được nghiên cứu triển khai gần đây đã giành được phần thưởng hàng năm về sáng chế của hãng Hitachi, trong số hơn 4000 đơn dự thi.

THUỐC CHỮA BỆNH TIM CỦA AN ĐÔ

Ở An Đô đã nghiên cứu và phát triển một loại thuốc có thể làm tan cục máu đông chỉ sau 1/2 giờ và nó có thể làm một cuộc cách mạng trong điều trị bệnh tim. Loại thuốc tốt nhất hiện nay cần đến 12 giờ để làm tan cục máu. Phần lớn các ca đau tim liên quan đến nhồi máu đều gây nên tử vong trong vòng 12 giờ. Loại thuốc mới này gọi là Thrombinase có thể quyết định cái sống hoặc cái chết. Nó cũng có thể điều trị các bệnh khác gây bởi cục máu đông.

Loại thuốc Thrombinase đầu tiên trên thế giới nay được nghiên cứu và triển khai bởi Trung tâm nghiên cứu Vector, Pondicherry, một phòng thí nghiệm của Hội đồng nghiên cứu y học Ấn Độ. Hãng thuốc Torrent Pharmaceutical Limited đã mua công nghệ thuốc này. Hãng sẽ đưa thuốc vào thử nghiệm ở bệnh viện và sẽ bán ra thị trường nếu nó không có các phản ứng phụ. Hai loại thuốc được sử dụng cho đến hiện nay là Streptokinase và Unokinase có khả năng làm tan các cục máu đông bằng các enzyme nhất định mà chúng sinh ra trong máu. Thuốc Thrombinase tác động trực tiếp, làm giảm thời gian cần thiết 11,5 giờ.

VẮC XIN SỐT RÉT ĐƯỢC NGHIÊN CỨU Ở COLOMBIA CHO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TỐT

Cuộc thử nghiệm rộng rãi về vaccine tổng hợp đầu tiên trên thế giới chống sốt rét ở hai nước Mỹ Latinh đã cho những kết quả khích lệ, nhưng kết luận cuối cùng về tác dụng tổng hợp của nó phải đợi đến khi một thử nghiệm rộng lớn hơn đang được tiến hành được kết thúc. Người nghiên cứu vaccine, TS Manuel E. Patarroyo của Viện miễn dịch học Colombia, đã nói rằng các cuộc thử nghiệm rộng rãi ở Colombia và Venezuela đã chứng tỏ rằng nó an toàn và tác dụng phòng ngừa sốt rét đạt 45 - 60% các trường hợp thử nghiệm.

Tiến sĩ M. Patarroyo đã trình bày một sơ kết quả thử nghiệm tại một cuộc hội thảo quốc tế về vaccine tổng hợp

tại Viện miễn dịch học quốc gia Niu Deli. Về độ an toàn của vaccine, ông đã đưa ra kết quả thử nghiệm trên 9957 người, tất cả trên một tuổi và sống ở ven bờ Thái Bình Dương của Colombia, mỗi người dùng 3 liều vaccine. Sau liều thứ hai 98% không có phản ứng có hại và 95,7% sau liều thứ ba. Trong một nhóm những người được tiêm vaccine, 93% số người đã phát triển kháng thể, tức là có dấu hiệu tốt. Các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng các kháng thể này có thể bao vây các ký sinh trùng sốt rét gọi là Plasmodium falciparum, và ngăn chặn chúng tấn công hồng cầu (RBC).

THUỐC SINH HỌC CHỐNG SỐT RÉT

Loại thuốc này chứa bào tử vi khuẩn có khả năng diệt muỗi, yếu tố gây lan truyền bệnh sốt rét. Các bào tử được trộn thành một dung dịch dầu không độc và có thể phun lên trên mặt nước ở những nơi mà ấu trùng muỗi sinh sống. Ông P.K Ramdas, một thành viên trong nhóm các bác sĩ tiến hành nghiên cứu sốt rét tại Trung tâm nghiên cứu và phát triển về thuốc diệt sâu bọ (PDC) ở gần Niu Deli giải thích rằng: "Trong vòng từ 24 đến 48 giờ các bào tử sẽ làm cho da dày của ấu trùng bị vỡ, tức là giết trước khi chúng trở thành muỗi truyền bệnh sốt rét".

Bác sĩ Ramdas nói rằng thuốc diệt sâu bọ PDC là duy nhất vì một vài nguyên nhân. Các loại muỗi hiện nay chống được rất nhiều hoá chất được dùng hiện nay để kiểm soát sốt rét.

NGHIÊN CỨU MÔ BẢO THAI

Các nhà khoa học hoan nghênh việc Tổng thống Mỹ Bill Clinton bãi bỏ lệnh cấm về nghiên cứu mô và tin tưởng rằng điều đó sẽ dẫn đến một vài dự án nghiên cứu hợp tác và tài trợ của quốc tế cho hướng nghiên cứu đầy triển vọng này nhằm nghiên cứu để giảm nhẹ đau khổ của con người.

Nhà giải phẫu thần kinh nổi tiếng là TS P.N Tandon đã nói rằng: "Việc nghiên cứu mô bào thai có triển vọng tốt làm giảm nhẹ các bệnh thoái hóa hệ thần kinh".

Nếu mô bào thai thực sự là bộ phận có thể thay thế thông qua cấy ghép hoặc truyền máu, thì nó có thể là một đột phá trong việc điều trị các bệnh về gen. Ví dụ, nếu các tế bào tụy lấy từ phôi bị chết có thể truyền được cho các bệnh nhân đái tháo đường và nếu các tế bào này có thể được phát sinh ra ở dạ dày và sản xuất ra insulin, thì có thể tìm ra cách điều trị bệnh đái tháo đường. Cũng tương tự như vậy, nếu chức năng gan bị tổn thương, thì có thể thay thế bằng cách cấy mô gan hoặc truyền qua máu.

Tại liệu thông tin

của Ủy ban Khoa học, công nghệ
và môi trường của Quốc hội, 8.1993

Giấy phép xuất bản số 091/VH-TT của Sở Văn hóa - Thông tin và Thể thao tỉnh Lâm Đồng. Sáp chữ điện tử tại Sở Khoa học, công nghệ và môi trường và Báo Lâm Đồng. In tại Xi nghiệp ban đô Đa Lạt. In xong và nộp lưu chiểu tháng 1-1994



Cúc quỳ
(*Tithonia diversifolia*)
Ảnh : BÀ TRUNG



Trà mi
(*Camellia japonica*)
Ảnh : TRẦN NGỌC HIỆP



Hoa hồng
(*Rosa* sp.
var. *Brigitte Bardot*)
Ảnh : MPK



Hoa tứ tượng
(*Viola tricolor*)
Ảnh : MPK

Cúc bách nhật
(*Gomphrena globosa*)
Ảnh : BÀ TRUNG



Đỗ quyên
(*Azalea japonica*)
Ảnh : BÀ TRUNG



THÔNG TIN

Khoa học & Công nghệ

SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LÂM ĐỒNG

2 Hoàng Văn Thụ Đà Lạt

ĐT: 22106

Trong số này:

NGUYỄN DỨC DUỆ,
TRẦN VĂN HÀO
TRẦN THỊ VÂN
PHẠM S
TÔN THẤT SAM,
TÔN THẤT HÙNG
LÊ HUY CHUYÊN,
LÊ CAO ÂN
TRẦN NGỌC HIỆP,
TÂM LUẬN
NGUYỄN TUẤN TÀI,
ĐOÀN NAM SINH,
LIÊNG HỒT HASUÉ,
PHÙNG KHẮC CƯỜNG,
NGUYỄN HỮU TRANH
NGUYỄN THUY HOÀNG
PHẠM BÁ PHONG

LƯƠNG VĂN SÁU
NGUYỄN VĂN TỚI
NGUYỄN THỌ BIÊN
NGUYỄN HỮU TRANH

- Vào xuân Giáp Tuất tự tin hơn!
- Quy trình kỹ thuật nuôi tằm lấy kén ươm
- Bệnh mốc sương khoai tây và biện pháp phòng trừ
- Vài suy nghĩ về vấn đề trồng cây che bóng cho chè
- Giá trị của chè
- Vài nét về địa khối Đà Lạt
- Tìm hiểu thắng cảnh Đà Lạt
- Phong tục, tập quán của người Lạch
- Hoa
- Từ những kho tàng phương Đông
- Hoa cúc
- Hoa tuy-líp
- Salem hay Olympe?
- Hoa lan hài
- Những cây hoa làm thuốc
- Hoa Đà Lạt
- Thông tin khoa học và công nghệ

Ảnh bìa: Hoa phượng tím

(*Jacaranda mimosaeifolia*)

TRẦN NGỌC HIỆP